

Bài 1: NHẬT BẢN

I. Mức độ nhận biết

Câu 1. Đến giữa thế kỉ XIX, quyền hành thực tế ở Nhật Bản nằm trong tay

- A. Thiên Hoàng.
- B. Tư sản.
- C. Tướng quân.**
- D. Thủ tướng.

Câu 2. Cuộc cải cách Duy Tân Minh trị được tiến hành trên các lĩnh vực nào?

- A. Chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao.
- B. Chính trị, quân sự, văn hóa - giáo dục và ngoại giao với Mĩ.
- C. Chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa- giáo dục.**
- D. Kinh tế, quân sự, giáo dục và ngoại giao.

Câu 3. Để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng toàn diện của đất nước vào giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản đã:

- A. Duy trì nền quân chủ chuyên chế.
- B. Tiến hành những cải cách tiến bộ.**
- C. Nhờ sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây.
- D. Thiết lập chế độ Mạc Phủ mới.

Câu 4. Trong Hiến pháp mới năm 1889 của Nhật, thể chế mới là?

- A. Cộng hòa.
- B. Quân chủ lập hiến.
- C. Quân chủ chuyên chế.**
- D. Liên bang.

Câu 5. Đế quốc đầu tiên buộc Chính phủ Nhật Bản ký Hiệp ước bất bình đẳng là

- A. đế quốc Mĩ.**
- B. đế quốc Anh.
- C. đế quốc Pháp.
- D. đế quốc Đức.

II. Mức độ thông hiểu

Câu 1. Để tiến hành cuộc Duy tân 1868, Thiên hoàng Minh Trị dựa vào tầng lớp nào?

- A. Nông dân.
- B. Daimyō.
- C. Samurai.**
- D. Thợ thủ công.

Câu 2. Nhân tố nào được xem là “chìa khóa vàng” của cuộc Duy tân ở Nhật Bản năm 1868?

- A. Giáo dục.**
- B. Quân sự.
- C. Kinh tế.
- D. Chính trị.

Câu 3. Các công ti độc quyền đầu tiên ở Nhật ra đời trong các ngành kinh tế nào?

- A. Công nghiệp, thương nghiệp, ngân hàng.**
- B. Công nghiệp, ngoại thương, hàng hải
- C. Nông nghiệp, công nghiệp, ngoại thương.
- D. Nông nghiệp, thương nghiệp, ngân hàng.

Câu 4. Tính chất của cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868 là gì?

- A. Cách mạng vô sản.
- B. Cách mạng tư sản triệt để.
- C. Chiến tranh đế quốc.
- D. Cách mạng tư sản không triệt để.**

Câu 5. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Nhật?

- A. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.
- B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.
- C. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Câu 6. Tính chất của cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905)?

- A. Chiến tranh giải phóng dân tộc.
- B. Chiến tranh phong kiến.
- C. Chiến tranh đế quốc.
- D. Chiến tranh chính nghĩa.

Câu 7. Tại sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách?

- A. Để duy trì chế độ phong kiến.
- B. Để thoát khỏi nước phong kiến lạc hậu.
- C. Để tiêu diệt Tướng quân.
- D. Để bảo vệ quyền lợi quý tộc phong kiến.

III. Mức độ vận dụng

Câu 1. Nguyên nhân nào dẫn đến chế độ Mạc Phủ ở Nhật Bản sụp đổ?

- A. Các nước phương tây dùng quân sự đánh bại Nhật Bản.
- B. Thất bại trong cuộc chiến tranh với nhà Thanh.
- C. Phong trào đấu tranh của nhân dân vào những năm 60 của thế kỷ XIX.
- D. Chế độ Mạc Phủ suy yếu tự sụp đổ.

Câu 2. Tại sao gọi cải cách Minh Trị năm 1868 là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- A. Liên minh quý tộc - tư sản nắm quyền.
- B. Kinh tế Nhật Bản vẫn còn lệ thuộc vào bên ngoài.
- C. Vấn đề ruộng đất của nông dân đã được giải quyết...
- D. Chưa xóa bỏ những bất bình đẳng với đế quốc.

Câu 3. Sau cuộc cải cách Minh Trị, tầng lớp Samurai chủ trương xây dựng nước Nhật bằng:

- A. Sức mạnh quân sự.
- B. Sức mạnh kinh tế.
- C. Truyền thống văn hóa lâu đời.
- D. Sức mạnh áp chế về chính trị.

Câu 4. Khi Nhật Bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc gắn liền với...

- A. các cuộc chiến tranh xâm lược.
- B. mua phát minh từ bên ngoài vào.
- C. chú trọng phát triển nông nghiệp.
- D. đẩy mạnh đầu tư giao thông vận tải.

Câu 5. Vì sao nói chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản là chủ nghĩa đế quốc quân phiệt?

- A. Nhật Bản chủ trương xây dựng đất nước bằng sức mạnh quân sự.
- B. Thiên Hoàng tiếp tục quản lý nhà nước về mọi mặt.
- C. Nhật Bản chủ trương xây dựng đất nước bằng sức mạnh kinh tế.
- D. Nhật Bản vẫn duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến.

IV. Vận dụng cao

Câu 1. Yêu tố được xem là chìa khóa được rút ra từ cuộc cải cách Minh Trị cho công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay?

- A. Chú trọng bảo tồn văn hóa.
- B. Chú trọng yếu tố giáo dục.
- C. Chú trọng phát triển kinh tế.
- D. Chú trọng công tác đối ngoại.

Câu 2. Nhật Bản xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là gì?

- A. Chạy đua vũ trang với các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.
- C. Tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.
- D. Tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng.

Câu 3. Hiện nay, Việt Nam áp dụng ~~đề xuất~~ kinh nghiệm gì của Nhật Bản trong cải cách Minh Trị trên lĩnh vực giáo dục ?

- A. Mở rộng hệ thống trường học.
 - B. Chú trọng dạy nghề cho thanh niên.
 - C. Cử những học sinh giỏi đi thi với các nước phương Tây.
 - D. **chú trọng nội dung khoa học-kỹ thuật.**

BÀI 2. ĂN ĐỘ.

I. Mức độ nhận biết

Câu 1. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói đến tình hình đất nước Ấn Độ từ đầu TK XVII ?

- A. chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng
B. phong trào nông dân diễn ra mạnh mẽ.
C. Cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến.
D. Đất nước ổn định, phát triển.

Câu 2. Các nước tư bản chủ yếu đua tranh tiến hành xâm lược Ấn Độ là

- A. Anh và Pháp.** **B. Pháp và Mĩ.**
C. Anh và Mĩ. **D. Nhật và Nga.**

Câu 3. Đến giữa TK XIX, Ấn Độ là thuộc địa của Đế quốc nào?

- A. Nga.
B. Anh.
C. Nhật.
D. Mĩ.

Câu 4. Ấn Độ trở thành đối tượng xâm lược của các nước phương Tây vì

- A. có vị trí chiến lược quan trọng.
 - B. còn trong tình trạng lạc hậu về kinh tế, chính trị.
 - C. có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất châu Á.
 - D. có nguồn nguyên liệu và nhân công dồi dào.

Câu 5. Đảng Quốc đại là chính đảng của giai cấp nào?

- A. Công nhân.
B. Nông dân.
C. Tư sản.
D. Địa chủ.

Câu 6. Sự kiện nào đánh dấu giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị?

- A. Đảng Quốc dân Đại hội (Quốc đại) thành lập.
B. Đảng Quốc đại đứng lên lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Anh.
C. Đảng Quốc đại trở thành Đảng cầm quyền.
D. Giai cấp tư sản trở thành lực lượng chính trong xã hội.

II. Mức độ thông hiểu

Câu 1. Hình thức cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ là

- A. gián tiếp.
 - B. trực tiếp.**
 - C. giao toàn quyền cho người Ấn Độ.
 - D. kết hợp giữa nắm quyền cai trị và thông qua người Ấn Độ.

Câu 2. Đời sống của nhân dân Ấn Độ dưới chính sách thống trị của thực dân Anh là

- A. một bộ phận nhỏ bị bầm cùng và phá sản.
B. bị bầm cùng, nghèo đói, mất ruộng đất.

C. bị ba tầng áp bức của đế quốc, Thu sáu và hoà đồng chiếm.

D. đời sống ổn định, phát triển.

Câu 3. Chủ trương, biện pháp của Đảng Quốc đại trong 20 năm đầu (1885 – 1905)?

A. Ôn hòa.

B. Cải cách.

C. Cực đoan.

D. Bạo lực.

Câu 4. Trước đòi hỏi của tư sản Án Độ, thái độ của thực dân Anh như thế nào?

A. Đồng ý những đòi hỏi.

B. Đồng ý nhưng có điều kiện.

C. Kìm hãm bằng mọi cách.

D. Thắng tay đàn áp.

Câu 5. Thực dân Anh thực hiện đạo luật Ben gan nhằm mục đích gì?

A. Phát triển kinh tế.

B. Ôn định xã hội.

C. Khai thác tài nguyên.

D. Chia rẽ đoàn kết dân tộc.

III. Vận dụng

Câu 1. Vai trò của Án Độ khi thực dân Anh biến Án Độ trở thành thuộc địa?

A. Trở thành nơi giao lưu, buôn bán lớn nhất.

B. **Trở thành thuộc địa quan trọng nhất.**

C. Trở thành căn cứ quân sự quan trọng nhất.

D. Trở thành trung tâm kinh tế của Nam Á.

Câu 2. Âm mưu của Anh trong việc thực hiện chính sách “chia để trị” là

A. **khoét sâu thêm mâu thuẫn về chủng tộc và tôn giáo ở Án Độ.**

B. nắm quyền trực tiếp cai trị đến tận đơn vị cơ sở.

C. xóa bỏ nền văn hóa truyền thống của Án Độ.

D. vơ vét tài nguyên thiên nhiên của Án Độ.

Câu 3. Mục đích của việc thực hiện chính sách nhượng bộ các tầng lớp có thể lực trong giai cấp phong kiến bản xứ Án Độ của Anh là

A. **hợp pháp hóa chế độ đằng cấp, biến quý tộc phong kiến thành tay sai.**

B. xoa dịu phong trào đấu tranh chống thực dân Anh của các thế lực bản xứ.

C. lợi dụng các thế lực phong kiến Án Độ chống lại những hoạt động của tư sản Án Độ.

D. duy trì chế độ phong kiến Án Độ, lợi dụng việc tranh giành quyền lực giữa các thế lực để dễ cai trị.

Câu 4. Tính chất của phong trào đấu tranh của nhân dân Án Độ (1885 – 1908) là

A. phong trào dân chủ.

B. phong trào độc lập.

C. **phong trào dân tộc.**

D. phong trào dân sinh.

Câu 5. Vai trò của Đảng Quốc đại trong lịch sử Án Độ?

A. **Nắm ngọn cờ lãnh đạo phong trào đấu tranh của Án Độ.**

B. Xây dựng quân đội mạnh cho đất nước Án Độ.

C. Lãnh đạo cuộc cách mạng xanh ở Án Độ.

D. Đè đầu trong các cuộc cải cách ở Án Độ.

IV. Vận dụng cao

Câu 1. Hãy chỉ ra nét khác biệt của phong trào đấu tranh của nhân dân Án Độ những năm 1905 - 1908 so với thời gian trước đó.

A. Mang đậm tính dân chủ.

B. **Mang đậm ý thức dân tộc.**

C. Thực hiện mục tiêu đấu tranh vì kinh tế.

D. Lần đầu tiên giai cấp tư sản bùi Thanh hành hoà đài chính trị.

Câu 2. Điểm khác biệt trong phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất so với các nước khác ở châu Á là

- A. Chủ yếu đấu tranh bằng biện pháp ôn hòa.
- B. Chủ yếu đấu tranh bằng biện pháp cải cách.
- C. Chủ yếu đấu tranh bằng biện pháp bạo động
- D. Chủ yếu đấu tranh bằng biện pháp kinh tế.

Câu 3. Đảng Quốc Đại được thành lập có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ?

A. Đánh dấu giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc, giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

B. Tạo điều kiện phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ phát triển sang giai đoạn mới
C. Là chính đảng của giai cấp tư sản, có khả năng giải phóng dân tộc cho nhân dân Ấn Độ

D. Là đảng của giai cấp tư sản, có chủ trương giải phóng dân tộc đầu tiên ở Ấn Độ

Câu 4. Tình hình Ấn Độ đầu thế kỷ XVII có đặc điểm gì giống với các nước phương Đông khác?

A. Đứng trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

B. Đi theo con đường chủ nghĩa tư bản

C. Là thuộc địa của các nước phương Tây

D. Trở thành nước độc lập tiên lênh chủ nghĩa tư bản

Câu 5. Sự khác biệt của cao trào 1905 - 1908 so với các phong trào đấu tranh giai đoạn trước là

A. Do bộ phận tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc, vì độc lập dân chủ.

B. Do tầng lớp tư sản lãnh đạo, mang đậm tính giai cấp, vì quyền lợi chính trị, kinh tế.

C. Có sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại, sự tham gia của công nhân, nông dân.

D. Tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

Bài 3: TRUNG QUỐC

I. Mức độ nhận biết

Câu 1. Cuộc chiến tranh mà thực dân Anh tiến hành xâm lược Trung Quốc còn có tên gọi là gì?

- A. Chiến tranh vũ khí.
- B. Chiến tranh lạnh.
- C. Chiến tranh thuốc phiện.
- D. Chiến tranh cục bộ.

Câu 2. Đối với các nước đế quốc xâm lược, Trung Quốc được ví với hình ảnh nào?

- A. vùng đất vàng.
- B. cái bánh ngọt.
- C. mẫu bánh mì vụn.
- D. cái kẹo ngọt.

Câu 3. Trước sự xâm lược của các nước đế quốc, thái độ của triều đình Mãn Thanh như thế nào?

- A. Cương quyết chống lại.
- B. Thỏa hiệp với cái nước đế quốc.
- C. Đóng cửa.
- D. Trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài.

Câu 4. Địa bàn bùng nổ phong trào Nghĩa Hòa Đoàn ở Trung Quốc?

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc là phong trào đấu tranh của giai cấp nào?

A. Công nhân.

B. Nông dân.

C. Tư sản.

D. Binh lính.

Câu 7. Đế quốc nào sau đây **không** xâm xé Trung Quốc cuối TK XIX?

A. Đức.

B. Mĩ.

C. Nga.

D. Pháp.

Câu 8. Trung Quốc đồng minh hội là chính đảng của giai cấp nào ở Trung Quốc?

A. Tư sản.

B. Nông dân.

C. Công nhân.

D. Tiều tư sản.

II. Mức độ thông hiểu

Câu 1. Trước sự xâm lược của các nước đế quốc, triều đình Mãn Thanh có thái độ gì?

A. Kiên quyết chống lại các đế quốc xâm lược

B. Bỏ mặc nhân dân

C. **Thỏa hiệp với các nước đế quốc**

D. Trông chờ ào sự giúp đỡ từ bên ngoài

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nông dân nào lớn nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc?

A. **Thái Bình Thiên quốc.**

B. Nghĩa Hòa đoàn.

C. Khởi nghĩa Vũ Xương.

D. Khởi nghĩa Thiên An môn.

Câu 3. Trung Quốc Đồng minh hội là chính đảng của giai cấp nào?

A. Tư sản.

B. Nông dân.

C. Công nhân.

D. Tiều tư sản.

Câu 4. Với điều ước nào Trung Quốc thực sự trở thành nước nô thuộc địa nô phong kiến?

A. Tân Sửu.

B. **Nam Kinh.**

C. Bắc Kinh.

D. Nhâm Ngọ.

Câu 5. Tính chất của cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 là gì?

A. Cách mạng vô sản.

B. **Cách mạng Dân chủ tư sản.**

C. Chiến tranh đế quốc.

D. Cách mạng văn hóa.

Câu 6. Trước thái độ của triều đình Mãn Thanh đối với đế quốc, nhân dân Trung Quốc có hành động gì?

A. Đầu hàng đế quốc.

B. **Nổi dậy đấu tranh.**

C. Thỏa hiệp với đế quốc.

D. Lợi dụng đế quốc chống phong kiến.

Câu 7. Ý nào sau đây không đúng khi nói về mục tiêu của Trung Quốc Đồng minh Hội?

A. Đánh đổ Mãn Thanh.

B. Khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc.

C. Bình đẳng ruộng đất cho dân cày.

D. **Đánh đuổi Đế quốc xâm lược.**

III. Mức độ vận dụng

Câu 1. Những mâu thuẫn nào tồn tại trong lòng xã hội Trung Quốc khi bị các nước đế quốc xâm lược?

A. Tồn tại 2 mâu thuẫn: Nông dân >< đế quốc, nhân dân TQ >< phong kiến.

B. Tồn tại 2 mâu thuẫn: Nhân dân TQ >< phong kiến, nông dân >< đế quốc.

C. **Tồn tại 2 mâu thuẫn: Nông dân >< phong kiến, nhân dân TQ >< đế quốc.**

D. Tồn tại 2 mâu thuẫn: Đế quốc >< phong kiến, địa chủ >< nông dân.

Câu 2. Ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi đến phong trào giải phóng dân tộc đến châu Á như thế nào?

- A. Góp phần cỗ vũ phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

B. Góp phần cỗ vũ phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản.

C. Góp phần cỗ vũ phong trào đấu tranh vì mục tiêu kinh tế.

D. Góp phần cỗ vũ phong trào đấu tranh chống chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

Câu 3. Hạn chế của học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn là

- A. không chú trọng mục tiêu chống phong kiến.
 - B. không chú trọng mục tiêu chống đế quốc.**
 - C. không chú trọng mục tiêu dân chủ dân sinh.
 - D. không chú trọng mục tiêu vì sự tiến bộ của đất nước.

Câu 4. Vì sao phong trào Duy tân ở Trung Quốc thất bại?

- A. Do các nước đế quốc liên minh đàn áp mạnh mẽ.
 - B. Váp phải sự chống đối của phái thủ cựu ở triều đình.**
 - C. Do trang bị vũ khí thô sơ, lạc hậu.
 - D. Do giai cấp yô sản chưa đủ lớn mạnh.

IV. VÂN DUNG CAO

Câu 1. Ý nào sau đây **không đúng** khi nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa TK XIX – đầu TK XX?

- A. Diễn ra sôi nổi mạnh mẽ, phạm vi rộng.
 - B. Hình thức đấu tranh phong phú.
 - C. Giai cấp vô sản lớn mạnh.**
 - D. Giai cấp tư sản lớn mạnh.

Câu 2. Nhận xét nào đúng về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc giữa TK XIX và TK XX?

- A. Diễn ra sôi nổi,lôi kéo đông đảo lực lượng tham gia ,dưới nhiều hình thức.
 - B. Đông đảo lực lượng tham gia, dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang.
 - C. Diễn ra sôi nổi, nhằm mục tiêu đánh đổ chế độ quốc,dưới nhiều hình thức.
 - D. Đông đảo lực lượng tham gia,dưới nhiều hình thức nhằm giải phóng dân tộc.

Câu 3. Nguyên nhân dẫn đến han chế của Cách mạng Tân Hợi 1911 là?

- A. Để chính quyền cách mạng rơi vào tay thế lực phong kiến quân phiệt.
 - B. Một số người lãnh đạo Đồng Minh hội chủ trương thương lượng, nhượng bộ, không kiên quyết.
 - C. Không giải quyết được vấn đề cơ bản của cách mạng là ruộng đất cho nông dân.
 - D. Không thực hiện được vấn đề giải phóng dân tộc vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng.

Bài 4: CÁC NUỐC ĐÔNG NAM Á CUỐI TK XIX – đầu TK XX

I. Mức độ nhận biết

Câu 1. Giữa TK XIX, các nước Đông Nam Á tồn tại dưới chế độ xã hội nào?

- A. Chiếm hữu nô lệ. B. Tư bản.

Câu 2. Nước nào ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

- A. Mã lai. B. Xiêm. C. Bru nây. D. Xin ga po.

Câu 3. Vào cuối thế kỷ XIX – Đầu thế kỷ XX, ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trở thành thuộc địa của đế quốc nào?

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Mĩ.

Câu 4. Trước tình hình Đông Nam Á cuối TK XIX, các nước thực dân phương Tây đã có hành động gì?

- A. Đầu tư vào Đông Nam Á. B. Thăm dò xâm lược.
C. Giúp đỡ các nước Đông Nam Á. D. Mở rộng và hoàn thành xâm lược.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào mở đầu cho phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Lào?

- A. Khởi nghĩa Chậu Pa chay. B. Khởi nghĩa Pu côm bô.
C. Khởi nghĩa Ong kẹo. D. Khởi nghĩa Pha ca đuốc.

II. Mức độ thông hiểu

Câu 1. Xiêm là nước duy nhất Đông Nam Á không trở thành thuộc địa là do?

- A. Duy trì chế độ phong kiến. B. Tiến hành cách mạng vô sản.
C. Tăng cường khả năng quốc phòng. D. chính sách duy tân của Ra ma V.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa thể hiện tinh thần đoàn kết hai nước Việt Nam - Cam pu chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân pháp?

- A. Khởi nghĩa Si vô tha. B. Khởi nghĩa A cha xoa.
C. Khởi nghĩa Pha ca đuốc. D. Khởi nghĩa Ong kẹo

Câu 3. Vì sao Thái Lan vẫn giữ được độc lập tương đối vào thế kỉ XIX?

- A. Vì đã thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo và mềm dẻo.
B. Được Mĩ bảo trợ về quân sự.
C. Sự chiến đấu anh dũng của nhân dân.
D. Địa hình nhiều sông ngòi, đồi núi khó xâm nhập.

Câu 4. Sự kiện nào đánh dấu Cam-pu-chia trở thành thuộc địa của Pháp ?

- A. Pháp gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm.
B. Pháp gây áp lực buộc vua Nô-rô-đôm chấp nhận quyền bảo hộ.
C. Vua Nô-rô-đôm ký hiệp ước năm 1884.
D. Các giáo sĩ Phương Tây xâm nhập vào Cam-pu-chia.

Câu 5. Đến cuối thế kỉ XIX, khu vực Đông Nam Á chủ yếu là thuộc địa của các quốc gia nào dưới đây?

- A. Mĩ và Pháp. B. Anh và Đức.
C. Anh và Pháp. D. Anh và Mĩ.

III. Mức độ vận dụng

Câu 1. Nhận xét nào sau đây **không** đúng khi nói về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối TK XIX – đầu TK XX?

- A. Phong trào diễn ra rộng lớn, đoàn kết đấu tranh trong cả nước.
B. Hình thức đấu tranh phong phú nhưng chủ yếu là đấu tranh vũ trang.
C. Thu hút đông đảo nhân dân tham gia, gây tổn thất nặng nề cho các nước đế quốc.
D. Phong trào diễn ra đơn lẻ, chưa có sự thống nhất giữa các địa phương.

Câu 2. Trong bối cảnh chung của ~~lý thuyết~~ ~~Thuyết~~ ~~hành~~ ~~Á~~ ~~khoa~~ ~~Chi~~ ~~TK~~ XIX – đầu TK XX, Nhật Bản và Xiêm thoát khỏi thân phận thuộc địa vì

- A. Cắt đất câu hòa.
- B. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh.
- C. Tiến hành cải cách, mở cửa.**
- D. Tiếp tục duy trì chế độ phong kiến cũ.

Câu 3. Điểm giống nhau cơ bản giữa Duy tân Minh Trị và cuộc cải cách của vua Rama V?

- A. Đều là các cuộc cách mạng vô sản.
- B. Đều là các cuộc cách mạng tư sản triệt để.
- C. Đều là các cuộc cách mạng tư sản không triệt để.**
- D. Đều là các cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

Câu 4. Điểm chung của tình hình các nước Đông Nam Á đầu TK XX là gì?

- A. Tất cả đều là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.
- B. Hầu hết là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.**
- C. Tất cả đều giành được độc lập dân tộc.
- D. Hầu hết đều giành được độc lập dân tộc.

Câu 5. Vì sao Xiêm là nước nằm trong sự tranh chấp giữa Anh và Pháp nhưng Xiêm vẫn giữ được nền độc lập cơ bản?

- A. Sử dụng quân đội mạnh để đe dọa Anh và Pháp.
- B. Cắt cho Anh và Pháp 50% lãnh thổ.
- C. Nhờ sự trợ giúp của đế quốc Mĩ.
- D. Sử dụng chính sách ngoại giao mềm dẻo.**

BÀI 5: CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA TINH

Câu 1. (NB) Trước khi bị TD châu Âu xâm lược, ngành kinh tế nào phát triển ở châu Phi?

- A. Chăn nuôi.
- B. Trồng trọt.
- C. Dệt và gốm.**
- D. Luyện sắt.

Câu 2. (TH) Nguyên nhân chính nào làm bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi vào cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX?

- A. sự bóc lột của giai cấp tư sản.
- B. sự cai trị hà khắc của CNTD.**
- C. buôn bán nô lệ da đen.
- D. sự bất bình đẳng trong xã hội.

Câu 3. Cuộc khởi nghĩa đã thu hút đông đảo nhân dân An-gie-ri tham gia do ai lãnh đạo?

- A. Áp-đen Ca-de.**
- B. Phi-đen Castro.
- C. A-ra-bi.
- D. Mu-ha-mét Át-mét.

Câu 4. (TH) Tổ chức chính trị “Ai Cập trẻ” đã đề ra những cải cách mang tính chất

- A. vô sản.
- B. phong kiến.
- C. tư sản.**
- D. quý tộc.

Câu 5. Cuộc đấu tranh của nhân dân nước nào nổi bật nhất trong phong trào đấu tranh ở châu Phi?

- A. Ai Cập.
- B. Ê-ti-ô-pi-a.**

Câu 6. (TH) Nguyên nhân chính nào dẫn đến phong trào đấu tranh của nhân dân các nước châu Phi cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX bị thất bại?

- A. do trình độ tổ chức thấp,....
- B. do vũ khí thô sơ,.....
- C. do các nước CNTD quá mạnh,.....
- D. do trình độ tổ chức thấp,lực lượng chênh lệch.**

Câu 7. Quốc gia nào là nước cộng hòa da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh?

- A. Ha-i-ti.**
- B. Cu-ba.
- C. Ác-hen-ti-na.
- D. Mê-hi-cô.

Câu 8. (NB)Nội dung chính của học thuyết Mơn-rô (Mĩ) đối với Mĩ latinh là

- A. “Người Mĩ thống trị châu Mĩ”.
- B. “Châu Mĩ của người Mĩ”.
- C. “Châu Mĩ của người châu Mĩ”.**
- D. “Cái gậy lớn”.

Câu 9. Đầu thế kỷ XX, Mĩ đã áp dụng chính sách gì để xâm chiếm các nước Mĩ Latinh?

- A. “ Cái gậy lớn”.
- B. “Ngoại giao đồng đôla”.
- C. “Chính sách Liên minh”.
- D. “ Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đồng đôla”.**

Câu 10. Mục đích của những chính sách mà Mĩ áp dụng tại các nước Mĩ Latinh là

- A. biến Mĩ Latinh thành “sân sau” của Mĩ.**
- B. giúp các nước Mĩ Latinh thoát khỏi thực dân Bồ Đào Nha.
- C. giúp các nước Mĩ Latinh thoát khỏi thực dân Tây Ban Nha.
- D. giành độc lập cho Mĩ Latinh.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh trong thế kỷ XIX là

A. giành được thắng lợi, một loạt nước CH đã ra đời trong những năm 20 của thế kỷ XIX.

- B. phong trào GPDT ở Mĩ Latinh chủ yếu do g/c quý tộc PK lãnh đạo.
- C.toàn bộ Mĩ Latinh đã được giải phóng khỏi ách thống trị của CNTD.
- D.một số nước như Cuba, quần đảo Ăng-ti, Guy-a-na đã giành được độc lập.

Câu 12. Nước nào có phần thuộc địa ở châu Phi rộng lớn nhất?

- A. Anh.
- B. Pháp.**
- C. Mĩ.
- D. Hà Lan.

Câu 13. Đến đầu thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh có gì khác so với châu Phi?

- A. Chưa giành được thắng lợi.
- B. Nhiều nước giành được độc lập.**
- C. Trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh chống thực dân của các nước Mỹ Latinh vào cuối thế kỷ XVIII?

- A. cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ,....
- B. cuộc cách mạng tư sản Pháp,....
- C. cuộc cải cách nông nô ở Nga,.....

D. cuộc chiến tranh giành độc lập ở bắc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp.

Câu 15. Tác động của những chính sách do Mĩ đề ra đối với khu vực Mĩ Latinh vào cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX đã

- A. làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống chế độ tay sai thân Mĩ.**
- B. thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển.
- C. thúc đẩy nền kinh tế Mĩ Latinh phát triển.
- D. làm xuất hiện nhiều giai cấp mới.

Bài 6. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Câu 1. Nguyên cớ nào dẫn tới bùng nổ chiến tranh thế giới thứ nhất ? *

- A. Thái tử Áo-Hung bị một người Xéc-bi ám sát.**
- B. Vua Vin-hen II của Đức bị người Pháp tấn công.
- C. Nga tấn công vào Đông Phổ.
- D. phe Hiệp ước thành lập.

Câu 2. Năm 1882, phe Liên minh thành lập gồm

- | | |
|----------------------|---------------------------------|
| A. Anh, Pháp, Nga. | B. Đức, Áo-Hung, Italia. |
| C. Anh, Đức, Italia. | D. Pháp, Áo-Hung, Italia. |

Câu 3. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ngày 2/4/1917 diễn ra sự kiện

- A. Nga tuyên bố rút khỏi chiến tranh.
- B. Anh-Pháp tấn công Áo-Hung.
- C. Mĩ tuyên chiến với Đức..**
- D. Italia đầu hàng phe Hiệp ước

Câu 4. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918) do *

- A. Thái tử Áo - Hung bị ám sát.
- B. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thuộc địa.**
- C. sự hiếu chiến của đế quốc Đức.
- D. chính sách trung lập của Mĩ.

Câu 5. Trong quá trình chiến tranh thế giới thứ nhất, thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô Viết đánh dấu ***

- A. bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.**
- B. thắng lợi toàn diện của CNXH.
- C. chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
- D. thất bại hoàn toàn của phe Liên minh.

Câu 6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) có mang tính chất

- A. phi nghĩa thuộc về phe Liên minh.
- B. phi nghĩa thuộc về phe Hiệp ước.
- C. chiến tranh để quốc xâm lược, phi nghĩa**
- D. chính nghĩa về các nước thuộc địa.

Câu 7. Ngày 11/11/1918, diễn ra sự kiện nào sau đây

- A. cách mạng Đức bùng nổ.
- B. Nga tuyên bố rút khỏi chiến tranh.
- C. Áo-Hung đầu hàng.
- D. Đức phải ký hiệp định đầu hàng không điều kiện.**

Câu 8. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, chiến dịch Véc-đoong năm 1916 diễn ra ở nước nào?

- A. Anh.
- B. Đức.
- C. Pháp.**
- D. Nga.

Câu 9. Sự kiện ngày 03/03/1918 đánh dấu nước nào rút khỏi chiến tranh thế giới thứ nhất

- A. Đức.
- B. Anh.
- C. Nga.**
- D. Liên Xô.

Câu 10. Đầu thế kỉ XX, ở châu Âu đã hình thành 2 khối quân sự đối đầu nhau là

- A. Hiệp ước và Đồng minh.
- B. Hiệp ước và Phát xít.
- C. Phát xít và Liên minh.
- D. Liên minh và Hiệp ước.**

Câu 11. Cuối thế kỉ XIX đầu XX, trong cuộc đua giành giật thuộc địa, Đức là kẻ hung hăng nhất vì :

- A. có tiềm lực kinh tế và quân sự.
- B. có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa.**
- C. có tiềm lực quân sự và ít thuộc địa nhất châu Âu.
- D. có tiềm lực kinh tế và nhiều thuộc địa.

Câu 12. Từ cuối thế kỉ XIX, Đức đã vạch kế hoạch tiến hành chiến tranh nhằm

- A. giành giật thuộc địa, chia lại thị trường.**
- B. làm bá chủ thế giới và đứng đầu châu Âu.
- C. bành trướng thế lực ở châu Phi.
- D. tiêu diệt nước Nga, làm bá chủ thế giới.

Câu 13. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, chiến thắng nào của phe Hiệp ước đã làm thất bại kế hoạch “ đánh nhanh thắng nhanh ” của Đức

- A. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ.
- B. quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu và giành thắng lợi hoàn toàn.
- C. quân Anh -Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ.
- D. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ, quân Anh cũng đổ bộ lên lục địa châu Âu.**

Câu 14. Từ cuối năm 1916, Đức, Áo-Hung

- A. từ thế chủ động chuyển sang phòng ngự.**
- B. từ thế phòng ngự chuyển sang chủ động.

C. từ thê bị động chuyển sang phâ~~ng~~nhu~~ng~~nhuoc~~ng~~nho~~ng~~nhoclieu.Com

D. hoàn toàn giành thắng ở châu Âu.

Câu 15. Trong chiến thế giới thứ nhất(1914-1918), nước nào được hưởng lợi nhiều nhất nhờ buôn bán vũ khí ?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mĩ.

D. Nga.

Câu 16. Cuộc “chiến tranh tàu ngầm” của Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất, đã

A. mở đầu chiến tranh.

\

B. **gây cho Anh nhiều thiệt hại.**

C. làm thất bại âm mưu đánh nhanh của Pháp.

D. buộc Mĩ phải tham chiến về phe Liên minh.

Câu 17. Năm 1917 cách mạng Tháng Mười Nga thành công, nhà nước Xô Viết ra đời, thông qua Sắc lệnh Hòa bình, kêu gọi chính phủ các nước tham chiến

A. ủng hộ phe Hiệp ước.

B. ủng hộ phe Liên minh.

C. chấm dứt chiến tranh.

D. ủng hộ nước Nga.

Câu 18. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất là mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, mà trước tiên là giữa *

A. Anh và Đức.

B. Anh và Áo-Hung.

C. Mĩ và Đức.

D. Pháp và Đức.

Câu 19. Năm 1916, Đức mở chiến dịch tấn công Véc-đoong nhằm tiêu diệt quân chủ lực của

A. Nga.

B. Pháp.

C. Anh.

D. Mĩ.

Câu 20. Ngày 1/8/1914 Đức tuyên chiến với Nga, ngày 3/8/1914

A. Đức tuyên chiến với Anh.

B. Anh tuyên chiến với Đức.

C. Mĩ tuyên chiến với Đức.

D. Đức tuyên chiến với Pháp.

BÀI 7. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

Phần 1 : Trắc nghiệm

Câu 1. La-phông-ten là nhà ngũ ngôn cổ điển nước nào?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Đức.

D. Nga.

Câu 2. Ai là đại biểu xuất sắc cho nền bi kịch cổ điển Pháp?

A. Cooc-nây.

B. La-phông-ten.

C. Mô-li-e.

D. Víc-to Huy-gô.

Câu 3. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức trong buổi đầu thời cận đại là

A. Mô-da.

B. Trai-côp-xki.

C. Bét-to-ven.

D. Pi-cát-xô.

Câu 4. Nhà văn tiêu biểu cho nền văn học Pháp thế kỷ XIX- XX là

A. Lép-tôn-xtôi.

B. Vích-to Huy-gô.

C. Lỗ Tấn.

D. Mác Tuân.

Câu 5. Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Lép-tôn-xtôi là

A. "Những người khốn khổ".

B. "Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoay-o".

C. "Chiến tranh và hòa bình".

D. "Những người I-nô-xăng

và vua Thiệu

enhoclieu.Com

Câu 6. Những bản giao hưởng nổi tiếng số 3, số 5, số 9 của nhà soạn nhạc

A. Mô- da.

B. Bét- tô-ven.

C. Trai- cōp- xki.

D. Sô- panh.

Câu 7. Buổi đầu thời Cận đại, những ngành nào có vai trò quan trọng trong tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến ?

A. Văn học, nghệ thuật, tư tưởng.

B. Nghệ thuật, âm nhạc, mĩ thuật.

C. Tư tưởng, tôn giáo, văn học.

D. Nghệ thuật, âm nhạc, hội họa.

Câu 8. Thời Cận đại, ở phương Đông, quốc gia nào đã xuất hiện nhiều nhà văn hóa lớn ?

A. Ấn Độ.

B. Nhật Bản.

C. Trung Quốc.

D. Hàn Quốc.

Câu 9. Ai là đại biểu xuất sắc cho nền hài kịch cổ điển Pháp?

A. Cooc-nây.

B. La-phông-ten.

C. Vích-to Huy-gô.

D. Mô-li-e.

Câu 10. Câu truyện ngũ ngôn “ Con cáo và chùm nho” là sáng tác của ai ?

A. La- phong-ten.

B. Ru- xô.

C. Von- te.

D. Mông-tex-ki-o.

Câu 11. An- đéc-xen là nhà văn nổi tiếng của quốc gia nào ?

A. Nước Anh.

B. Nước Pháp.

C. Nước Nga.

D. Đan Mạch.

Câu 12. Nhà thơ tình nổi tiếng của nước Nga buổi đầu thời cận đại là ai ?

A. Pu- skin.

B. Vích-to Huy-gô.

C. Ra-bin-đra-nát Ta-go.

D. Hô-xê Ri-dan.

Câu 13. Lê- nin đã đánh giá các tác phẩm của ai như “ tấm gương phản chiếu cách mạng

Nga” ?

A. Lép-tôn-xtôi.

B. Vích-to Huy-gô.

C. Lỗ Tân.

D. Mác Tuân.

Câu 14. Vở balê “ Hồ thiên nga” là sáng tác của ai ?

A. Mô- da.

B. Bét- tô-ven.

C. Trai- cōp- xki.

D. Sô- panh.

Câu 15. Lê- nin đã đánh giá các tác phẩm của ai như “ tấm gương phản chiếu cách mạng

Nga” ?

A. Lép-tôn-xtôi.

B. Vích-to Huy-gô.

C. Lỗ Tân.

D. Mác Tuân.

Câu 16. Tư tưởng “ Triết học Ánh sáng” thế kỉ XVII- XVIII có tác dụng gì ?

A. Dọn đường cho cách mạng Pháp 1789 thắng lợi.

B. Kìm hãm Cách mạng Pháp phát triển.

C. Kêu gọi mọi người đấu tranh bằng vũ lực.

D. Hạn chế ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến.

Câu 17. Trào lưu “Triết học Ánh sáng Thủ kien XVIIe-XVIIIe

Thứ kien XVIIe-XVIIIe

Comđã sản sinh ra những nhà tư

tưởng

- A. Xanh- xi-mông, Rút –xô, Vôn- te.
- B. Phu- ri- ê, Vôn- te, Ô- oen.
- C. Mông- te- xki-ơ, Rút-xô, Vôn- te.**
- D. Vôn- te, Mông- te-xki-ơ, Ô- oen.

Câu 18. Nhà thơ nổi tiếng ở Pháp thế kỉ XVIII là ai?

- A. Mô-li-e.
- B. Pu-skin.
- C. Ban-dắc.
- D.La-phông –ten.**

Câu 19. Hai tác phẩm nổi tiếng “Nhà thờ Đức Bà Pa-ri” và “Những người khốn khổ” của tác giả nào?

- A. Ban-dắc.
- B. Vích-to Huy-gô.**
- C. Lép Tôn-xtôi.
- D. Mác-xim Gooc-ki.

Câu 20. Tác phẩm nổi tiếng “AQ chính truyện” của nhà văn nào?

- A. Hô-xê Mác-ti.
- B. Lỗ Tấn.**
- C. Hô-xê Ri-đan.
- D. Lép Tôn-xtôi.

Câu 21. Trong sự phát triển chung của văn hóa châu Âu thời cận đại đã xuất hiện một thiên tài Bét-tô-ven. Ông là ai?

- A. Nhà văn vĩ đại người Áo.
- B. Nhà bi kịch nổi tiếng người Pháp.
- C. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.**
- D. Nhà họa sĩ nổi tiếng người Ba Lan.

Câu 22. Trong bối cảnh lịch sử từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII được gọi là

- A. buổi đầu thời cận đại.**
- B. kết thúc thời cận đại.
- C. trung kỉ thời cận đại.
- D. buổi đầu thời hiện đại.

Câu 23. Từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là thời kì đánh dấu

- A. sự khủng hoảng của chế độ phong kiến.
- B. sự thăng thế của chủ nghĩa tư bản.**
- C. sự phát triển của chế độ phong kiến.
- D. sự phát triển của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Câu 24. Nhà văn hóa lớn của Ấn Độ đạt giải Nô ben năm 1913 là ai?

- A. Lỗ Tấn.
- B.Ta go.**
- C.Hô-xê Ri-đan.
- D.Hô-xê Mác-ti.

Câu 25. Ở Việt Nam có nhà bác học nào nổi tiếng trong thế kỉ XVIII?

- A. Lê Hữu Trác.
- B. Nguyễn Trường Tộ.**
- C. Lê Quý Đôn.**
- D. Lê Văn Hưu.

BÀI 8. ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Câu 1. Năm 1854, Nhật Bản phải ký hiệp ước mở cửa Si-mô-đa và Ha-cô-đa-tê cho nước nào vào buôn bán?

- A. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
- B. Nước Mĩ.**
- C. Anh, Pháp, Nga.
- D. Mĩ, Đức, Pháp.

Câu 2. Ngày 1-1-1877 diễn ra sự biến gì ở Ấn Độ?

- A. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay bùng nổ
- B. Nữ Hoàng Anh tuyên bố đồng thời là Nữ Hoàng Ấn Độ.**
- C. Ấn Độ chính thức rơi vào ách thống trị của thực dân Anh
- D. Ấn Độ tuyên bố độc lập

Câu 3. Sự kiện nào làm cho Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến?

A. Chính quyền Mãn Thanh ký hiệp ước Nam Kinh, chấp nhận các điều khoản theo yêu cầu của thực dân Anh.

B. Thực dân Anh đã dùng vũ lực buộc Trung Quốc phải chấp nhận chính sách cai trị của mình.

C. Chính quyền Mãn Thanh ký hiệp ước Bắc kinh, theo các điều khoản của thực dân Anh.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 3. Sau cuộc chiến tranh Trung-Nhật(1894-1895), Nhật Bản thôn tính các vùng nào ở châu Á?

- A. Triều Tiên, Phi –lip-pin, Đài Loan.
- B. Triều Tiên, Đài Loan, Bành Hồ.**
- C. Đông Nam Á, Triều Tiên..
- D. Đông Nam Á và Tây Á

Câu 4. Một cuộc tấn công “ chọc trời” của giai cấp vô sản diễn ra vào ngày 18-3-1871, đó là sự kiện nào?

- A. Phong trào Hiến chương ở Anh.
- B. Khởi nghĩa Sơ-lê-din ở Đức.
- C. Phong trào Li-ông ở Pháp.
- D. Công xã Pa-ri(Pháp).**

Câu 5. Năm 1889, tổ chức nào ra đời ở Mĩ Latinh?

- A. “Châu Mĩ của người châu Mĩ”.
- B. “Châu Mĩ là sân sau của Mĩ”.
- C. “Liên minh tôn giáo của các nước cộng hòa châu Mĩ”.
- D. “Liên minh dân tộc các nước cộng hòa châu Mĩ” .**

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa được coi là tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX là

- A. Bom-bay và Can-cut-ta.
- B. Đê-li và Bom-bay.
- C. Xi-pay.
- D. Mi-rút.**

Câu 7. Trong Đảng Quốc đại của Ấn Độ đã hình thành phái dân chủ cấp tiến do B.Ti-lắc đứng đầu thường được gọi là

- A. Phái “Cấp tiến”.
- B. Phái “Ôn hòa”.

Câu 8. Cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, là cuộc cách mạng theo khuynh hướng nào?

- A. Khuynh hướng vô sản.
- B. Khuynh hướng tư sản.
- C. Khuynh hướng dân chủ tư sản.**
- D. Khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

II. THÔNG HIẾU

Câu 1. Nguyên nhân cơ bản làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân các nước châu Phi chống thực dân phương Tây bị thất bại là

- A. Trình độ tổ chức còn thấp, chênh lệch về lực lượng.**
- B. Phong trào nổ ra chưa đồng bộ.
- C. Các nước phương Tây liên kết nhau đàm áp.
- D. Các nước châu Phi chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh chống thực dân.

Câu 2. Ý nghĩa nào dưới đây **không phải** của Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc?

- A. Cách mạng đã lật đổ triều Mãn Thanh ở Trung Quốc.
- B. Cách mạng đã chấm dứt chế độ chuyên chế ở Trung Quốc.
- C. Cách mạng đã thủ tiêu chế độ phong kiến, đánh bại hoàn toàn các đế quốc xâm lược, giải phóng nhân dân Trung Quốc.**
- D. Cách mạng đã ảnh hưởng nhất định đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Á.

Câu 3. Sự kiện có tác dụng thúc đẩy việc tiến hành cải cách Nhật Bản theo con đường tư bản chủ nghĩa là

- A. Nhật Bản được các nước phương Tây viện trợ.
- B. Giữa thế kỷ XIX, Nhật Bản lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.**
- C. Nhật Bản không muốn duy trì chế độ phong kiến.
- D. Nhật Bản đã có cuộc cải cách Minh Trị.

Câu 4. Từ năm 1895 đến 1905, Đảng Quốc đại ở Ấn Độ phản đối phương pháp đấu tranh nào trong sự nghiệp chống thực dân Anh?

- A. Phương pháp đấu tranh ôn hòa.
- B. Phương pháp đấu tranh chính trị.
- C. Phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang.
- D. Phương pháp đấu tranh bạo lực.**

Câu 5. Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới được thành lập, đó là kết quả của cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- B. Cách mạng tháng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911.
- C. Công xã Pa-ri ở Pháp năm 1871.**
- D. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam 1945.

Câu 6. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa là

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.**
- D. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp phong kiến.

III. VẬN DỤNG

Câu 1. Nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là

A. trong lòng xã hội phong kiến đã hình thành và phát triển lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. trong lòng xã hội phong kiến đã chất chứa nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được.

C. xã hội phong kiến đã mất hết vai trò lịch sử.

D. trong lòng xã hội phong kiến đã có chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Một trong những điểm tích cực của cách mạng tư sản thời cận đại là

A. Xóa bỏ chế độ phong kiến, xác lập chế độ tư bản chủ nghĩa.

B. tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, chính trị.

C. đưa loài người bước vào nền văn minh mới-văn minh hậu công nghiệp.

D. Đưa giai cấp tư sản lên vũ đài chính trị.

Câu 3. Nét chung giống nhau giữa ba nước Đông Dương trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX là

A. biểu hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. mang tính chất tự phát, do sĩ phu phong kiến hay nông dân lãnh đạo.

C. sử dụng bạo lực cách mạng còn hạn chế.

D. mang tính tự giác, do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Câu 4. Cuộc cách mạng được đánh giá là cuộc cách mạng mang tính chất tư sản chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á là

A. Cách mạng ở Indônê xi a.

B. Cách mạng ở Xing-ga-po.

C. Cách mạng ở Phi-lip-pin.

D. Cách mạng ở Miến Điện.

VẬN DỤNG CAO

Câu 1. Cuộc cách mạng thời cận đại nào được Lê-nin đánh giá là một cây chổi không lò quét sạch mọi rác rưởi ở châu Âu?

A. Cách mạng tư sản Hà Lan.

B. Cách mạng tư sản Pháp.

C. Cách mạng tư sản Anh.

D. Cách mạng tư sản Đức.

Câu 2. Vì sao cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX, nhiều sĩ phu yêu nước Việt Nam lại đến Nhật Bản để tìm con đường cứu nước cho dân tộc mình?

A. Nhật Bản có cải cách Minh Trị và đánh thắng Nga trong chiến tranh Nga-Nhật(1904-1905).

B. Nhật Bản là nước đồng văn, đồng chủng.

C. Nhật Bản là nước đi tiên phong trong phong trào chống thực dân phương Tây.

D. Nhật Bản có quan hệ lâu đời với Việt Nam.

BÀI 9: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

I. NHẬN BIẾT.

Câu 1. Hình thức đấu tranh trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười ở Nga là gì?

A. Khởi nghĩa vũ trang.

B. Biểu tình đi đến khởi nghĩa vũ trang.

Câu 2. Chế độ chính trị của Nga sau Cách mạng tháng 1905-1907 là gì?

- A. Chế độ Cộng hòa. B. Chế độ dân chủ.
C. Chế độ quân chủ chuyên chế. D. Chế độ quân chủ lập hiến.

Câu 3. Cách mạng tháng Hai ở Nga đã lật đổ được

- A. chế độ Nga hoàng Nicolai II, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế ở nga.
B. chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB Nga phát triển.
C. chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản, xây dựng giai cấp công nhân.
D. chính quyền của giai cấp tư sản, giành chính quyền cho giai cấp vô sản.

Câu 4. Mục tiêu và đường lối cách mạng tháng Mười Nga được Lê nin trình bày rõ trong tác phẩm nào?

- A. **Luận cương tháng tư.**
B. Nhà nước và cách mạng.
C. Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao.
D. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 5. Tính chất của cách mạng tháng Hai ở Nga là gì?

- A. Dân chủ tư sản kiểu cũ. B. **Dân chủ tư sản kiểu mới.**
C. Xã hội chủ nghĩa. D. Vô sản kiểu mới.

Câu 6. Tình hình nước Nga như thế nào khi tham gia vào chiến tranh thế giới thứ nhất ?

- A. **Suy yếu và khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội.**
B. Phát triển mạnh mẽ theo con đường tư bản chủ nghĩa.
C. Có tiềm lực mạnh về quân sự và kinh tế.
D. Duy trì chế độ tư bản chủ nghĩa, kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Câu 7. Sự kiện nào mở đầu cách mạng tháng 2-1917 ở Nga?

- A. **9 vạn nữ công nhân Pê-tơ-rô-grat biểu tình.**
B. Nga hoàng Nicolai II tuyên bố thoái vị.
C. Quân khởi nghĩa tấn công vào cung điện Mùa Đông.
D. Thành lập chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.

II. THÔNG HIỆU

Câu 1. Vì sao nói sau cách mạng tháng Hai, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga?

- A. **Có hai chính quyền đại diện cho hai giai cấp đối lập song song cùng tồn tại.**
B. Chính quyền nhân dân lao động lần đầu được thành lập.
C. Chính quyền rơi vào tay giai cấp tư sản không tham gia vào cách mạng.
D. Nga tiến vào thời kì quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. Nga phải tiến hành liên tiếp hai cuộc cách mạng **không** phải là do:

A. Chế độ Nga hoàng chưa được Thủ tướng hoan hô

- B. Sau cách mạng tháng Hai, hai chính quyền đại diện cho hai giai cấp đối lập song song tồn tại.
- C. Chính quyền chưa nằm trong tay nhân dân lao động.
- D. Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản tiếp tục tham gia chiến tranh.

Câu 3. Vì sao từ tháng 2 đến tháng 10, đảng Bôn sê vich lựa chọn phương pháp đấu tranh hòa bình?

- A. Thỏa hiệp với chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.
- B. Tranh thủ thời gian để tập hợp đồng đồng đảo quân chúng nhân dân lao động.
- C. Xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ của Đảng Bôn sê vich.
- D. Đàm phán với chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.

Câu 4. Hình thức đấu tranh cao nhất trong cách mạng tháng Hai ở Nga là gì?

- A. Bãi công chính trị.
- B. Biểu tình.
- C. Vũ trang.
- D. Hòa bình.

Câu 5. Cách mạng tháng Hai bùng nổ không phải là do?

- A. Sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị của nước Nga.
- B. Nga liên tiếp thất bại trên chiến trường chiến tranh thế giới thứ nhất.
- C. Mâu thuẫn xã hội ở nước Nga ngày càng gay gắt.
- D. Giai cấp tư sản Nga có tiềm lực mạnh về kinh tế nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm.

Câu 6. Vì sao cục diện hai chính quyền song song không thể tồn tại lâu dài ở Nga sau cách mạng tháng Hai?

- A. Hai chính quyền đại diện cho hai giai cấp đối lập nhau về quyền lợi.
- B. Không thể phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa
- C. Không đưa được nước Nga ra khỏi chiến tranh thế giới thứ nhất.
- D. Sự can thiệp của các nước đế quốc vào Nga.

III. VẬN DỤNG THẤP.

Câu 1. Những câu thơ sau nói đến sự kiện lịch sử nào “Khi anh chưa ra đời/ Trái đất còn nức nở/ Nhân loại chưa thành người/ Đêm ngàn năm man rợ/Từ khi anh đứng dậy/ Trái đất bắt đầu cười/...”?

- A. Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách đến hội nghị Vecxai.
- B. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. Cách mạng tháng Tám thành công.

Câu 2. Điểm giống nhau của cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười?

- A. Lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa.
- B. Dưa nước Nga phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa.
- C. Giành được chính quyền về tay nhân dân lao động.

D. Cách mạng do Đảng Bolshevik tổ chức

Câu 3. Cách mạng tháng Mười Nga thay đổi cục diện chính trị thế giới như thế nào ?

- A. Thành lập chế độ xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ thống tư bản chủ nghĩa không còn là duy nhất.
- B. Tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức vô sản quốc tế.
- C. Nhân dân lao động Nga lần đầu tiên được làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.
- D. Cố vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 4. Điểm giống nhau giữa cách mạng 1905-1907 và cách mạng tháng Hai ở Nga là gì?

- A. Lật đổ chế độ Nga hoàng, xóa bỏ tàn tích chế độ phong kiến.
- B. Là các cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- C. Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ.
- D. Lật đổ chế độ Nga hoàng, tạo điều kiện cho cách mạng tháng Mười thắng lợi.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 1. Từ cách mạng tháng Mười Nga, rút ra nguyên nhân tất yếu cho sự thắng lợi của tất cả các cuộc cách mạng vô sản?

- A. Sự lãnh đạo của đảng cộng sản.
- B. Truyền thống đoàn kết của dân tộc.
- C. Xây dựng khối liên minh công nông.
- D. Kết hợp giàn và giữ chính quyền.

Câu 2. Cách mạng tháng Mười Nga, có ảnh hưởng như thế nào đến con đường hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Đoàn kết cách mạng Việt Nam với phong trào vô sản quốc tế.
- B. Đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, lựa chọn con đường giải phóng dân tộc là cách mạng vô sản.
- C. Xác định nhiệm vụ cho cách mạng Việt Nam đó là dân tộc và dân chủ.
- D. Để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho Nguyễn Ái Quốc về việc xây dựng khối liên minh công nông.

Bài 9. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917-1921)

I. Phần trắc nghiệm.

Câu 1. Trong các tiền đề sau đây, tiền đề nào quan trọng nhất dẫn đến cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Nga năm 1917?

- A. Chủ nghĩa đế quốc là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ cho CNXH.
- B. Nước Nga là nơi tập trung cao độ các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc.
- C. Đầu năm 1917, nước Nga trở thành khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

D. Giai cấp vô sản Nga có **ký huật** **Thà** **đèn** **hàng** **điều** **cá** **Com** mạng đúng đắn.

Câu 2. Ngày nay, ngày kỉ niệm Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga được lấy là ngày nào sau đây?

- A. 10-10. B. 24-10. C. 25-10. D. 7-11.

Câu 3. Sau cách mạng 1905-1907, nước Nga theo thể chế chính trị nào?

- A. Xã hội chủ nghĩa. B. Dân chủ đại nghị.
C. Quân chủ chuyên chế. D. Quân chủ lập hiến.

Câu 4. Thái độ của Nga hoàng đối với cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918 như thế nào?

- A. Đứng ngoài cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.
B. Đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh để quốc.
C. Tham chiến một cách có điều kiện.
D. Tham gia cuộc chiến tranh khi thấy lợi nhuận.

Câu 5. Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến ở Nga đã tác động đến nền kinh tế như thế nào?

- A. Bước đầu tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.
B. Tạo điều kiện cho kinh tế phát triển mạnh mẽ.
C. Kìm hãm nặng nề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
D. Làm cho nền kinh tế khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.

Câu 6. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân, thái độ của Nga hoàng như thế nào?

- A. Bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa.**
B. Đàn áp, dập tắt được phong trào của nhân dân.
C. Nhờ sự giúp đỡ của các đế quốc khác.
D. Bỏ chạy ra nước ngoài.

Câu 7. Tính chất của cuộc cách mạng tháng Hai ở Nga là?

- A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ. B. Cách mạng vô sản.
C. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. D. Cách mạng văn hóa.

Câu 8. Đỉnh cao của hình thức đấu tranh trong cuộc Cách mạng tháng Hai ở Nga 1917 là gì?

- A. Khởi nghĩa tùng phẫn.
B. Biểu tình thị uy.
C. Chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.
D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 9. Tình trạng chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai là?

- A. Xuất hiện tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.**
B. Quân đội cũ nổi dậy chống phá.
C. Các nước đế quốc can thiệp vào nước Nga.
D. Nhiều đảng phái phản động nổi dậy chống phá cách mạng.

Câu 10. Thể chế chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Hai 1917 là?

- A. Thể chế quân chủ chuyên chế. B. Thể chế Cộng hòa.
C. Thể chế quân chủ lập hiến. D. Thể chế Xã hội chủ nghĩa.

Câu 11. Đâu là nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết sau cách mạng?

- A. Đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ.**
B. Đàm phán để xây dựng bộ máy chính quyền cũ.

C. Duy trì bộ máy chính **quyền** **cũ** **Thuvienhoclieu.Com**

D. Xây dựng quân đội Xô viết hùng mạnh.

Câu 12. Luận cương tháng tư của Lê nin đã chỉ ra mục tiêu và đường lối của Cách mạng tháng Mười là

A. chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng XHCN.

B. chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới

C. chuyển từ đấu tranh chính trị sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

D. chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.

Câu 13. Tính chất của cuộc cách mạng Tháng Mười Nga 1917

A. là cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ.

B. là cuộc cách mạng XHCN.

C. là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

D. là cuộc cách mạng tư sản điển hình.

Câu 14. Mốc thời gian đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cách mạng Tháng Mười trên toàn nước Nga là?

A. Tháng 10/1917.

B. Tháng 11/1917.

C. Tháng 12/1917.

D. Đầu năm 1918.

Câu 15. Sự kiện mở đầu cho cuộc cách mạng tháng Hai 1917 ở Nga?

A. Cuộc biểu tình của nữ công nhân thủ đô Peetorograt.

B. Các Xô viết được thành lập.

C. Cuộc tấn công vào cung điện Mùa Đông.

D. Lenin về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Câu 16. Thái độ của nhân dân trước việc Nga hoàng đẩy nước Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc?

A. Đồng tình ủng hộ.

B. Bất lực trước tình hình đó.

C. Nổi dậy đấu tranh đòi lật đổ chế độ Nga hoàng.

D. Bỏ chạy ra nước ngoài.

Câu 17. Đâu **không phải** là ý nghĩa của cách mạng tháng Mười Nga 1917?

A. Mở ra kỉ nguyên mới và làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.

B. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga giai cấp công nhân, nhân dân lao động đứng lên làm chủ đất nước.

C. Làm thay đổi cục diện thế giới.

D. Đưa tới sự ra đời của nhà nước tư sản đầu tiên trên thế giới.

Câu 18. Matxcova trở thành thủ đô của Nước Nga vào thời gian nào?

A. 4/1917.

B. 10/1917.

C. 3/1918.

D. 1/1919.

Câu 19. Mục tiêu trong Luận cương tháng Tư của Lê nin là gì?

A. Chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng XHCN.

B. Chuyển từ chế độ phong kiến sang cách mạng dân chủ tư sản.

C. Duy trì chế độ lâm thời của giai cấp tư sản.

D. Tạo điều kiện cho giai cấp tư sản phát triển.

Câu 20. Ai là vị lãnh đạo Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917?

Câu 21. Đâu là ý nghĩa của Luận cương tháng tư do Lênin soạn thảo?

A. Giác ngộ cách mạng cho đồng đảo quần chúng nhân dân.

B. Trang bị vũ khí tư tưởng cho mọi giai cấp, tầng lớp.

C. Chỉ rõ mục tiêu, đường lối chuyển sang cách mạng XHCN.

D. Cố vũ quân chúng tích cực đứng dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Câu 22. Mốc thời gian đánh dấu sự chuyển biến căn bản trong tư tưởng – từ nhận thức của người yêu nước sang nhận thức của người cộng sản của Nguyễn Ái Quốc?

A. 7/1920.

B. 12/1920.

C. 11/1924.

D. 6/1925.

Câu 23. Sự kiện nào đánh dấu mở đường giải quyết sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc ở Việt Nam?

A. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước 1911.

B. Nguyễn Ái Quốc đọc bản sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê nin 7/1920.

C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp 12/1920.

D. Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh

Câu 24. “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Nguyễn Ái Quốc rút ra chân lý đó dưới sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng nào sau đây?

A. Cách mạng DTDC ND Trung Hoa.

B. Cách mạng Tư sản Pháp.

C. Cách mạng Tháng Mười Nga.

D. Cách mạng Tháng Hai ở Nga.

Câu 25. Trên tờ báo sự thật, số ra ngày 27/1/1924, Nguyễn Ái Quốc có viết: Khi còn sống, Người là cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng XHCN”.

Nguyễn Ái Quốc đang nói về ai?

A. Phiden Catxtro.

B. Mao Trạch Đông.

C. Lenin.

D. Các Mác.

II/ Phần tự luận:

Câu hỏi

Câu 1: Trình bày tình hình nước Nga trước cách mạng?

Câu 2: Cách mạng tháng Hai (1917) diễn ra như thế nào? Kết quả?

Câu 3: Vì sao năm 1917 nước Nga diễn ra hai cuộc cách mạng?

Câu 4: Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 5: Cách mạng tháng Mười (1917) ở Nga có ảnh hưởng như thế nào đến Việt Nam?

Bài 10. LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Nhận biết

Câu 1. Khó khăn lớn nhất của nước nga xô viết từ 1918 – 1920 là gì?

A. Nền kinh tế bị kiệt quệ do chiến tranh tàn phá.

B. Chính quyền xô viết mới thành lập, còn quá non trẻ.

C. 14 nước đế quốc câu kết với Thụy Điển, Đức, và nước tân công nước Nga.

D. Bọn phản động trong nước nỗi dậy chống chính quyền cách mạng.

Câu 2. Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919 nước nga thực hiện chính sách gì?

A. Chính sách kinh tế mới. B. Chính sách quốc phòng toàn dân.

C. Chính sách cộng sản thời chiến. D. Chính sách tổng động viên.

Câu 3. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở liên xô trong lĩnh vực nông nghiệp là gì?

A. Biến liên xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp.

B. Tiến hành tập thể hóa nông nghiệp.

C. Thực hiện công nghiệp hóa trong nông nghiệp.

D. Tiến hành công nghiệp hóa.

II. Thông hiểu.

Câu 1. Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang diễn ra cuối tháng 12 năm 1922 đã tuyên bố thành lập.

A. Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết (gọi tắt là Liên xô).

B. Cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, Ucraina, Belarus, và captazo.

C. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

D. nước Nga Xô viết Xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. Từ việc quốc hữu hóa các xi nghiệp, nhà máy của tư sản trong chính sách cộng sản thời chiến đến khi thực hiện chính sách kinh tế mới được thay đổi như thế nào?

A. Trả hết toàn bộ nhà máy, xí nghiệp cho giai cấp tư sản.

B. Cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ (dưới 20 công nhân).

C. Khuyến khích tư bản nước ngoài vào xây dựng nhà máy, xí nghiệp trong nước.

D. Xây dựng các nhà máy, xí nghiệp do giai cấp vô sản quản lý.

Câu 3. Nội dung nào sau đây không phải là nội dung của chính sách kinh tế mới?

A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế cố định.

B. Nhà nước tập trung khôi phục công nghiệp nặng.

C. Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

D. Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

III. Vận dụng.

Câu 1. Chính sách kinh tế mới ở liên xô ra đời khi

A. nước nga xô viết bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn.

B. nước nga xô viết đã hoàn thành cải cách ruộng đất.

C. nước nga bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

D. nước nga xô viết bước vào thời kỳ ổn định kinh tế, chính trị.

Bài 11. TÌNH HÌNH CÁC NUỐC TÙ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất khát khao cái ái và mang trận đã họp nhau ở Véc-xai (Nước Pháp) nhằm

- A. ký kết một loạt các hiệp ước và hoà ước để phân chia quyền lợi.
- B. bàn cách đối phó chống lại Liên xô.
- C. bàn cách nhằm phát triển kinh tế ở Châu âu.
- D. bàn cách hợp tác về quân sự.

Câu 2. Những nước giàn được nhiều thành quả và quyền lợi nhất trong hội nghị Véc-Xai gồm

- A. Anh, Pháp Mỹ, Nhật.
- B. Pháp, Đức, Nga.
- C. Mĩ, Anh, Đức, Ý.
- D. Tây Ban Nha, Nhật bản.

Câu 3. Nhằm duy trì một trật tự thế giới mới bảo vệ quyền lợi cho mình, các nước trận, đã thành lập một tổ chức quốc tế mới có tên gọi là

- A. Tổ chức liên hợp quốc.
- B. Hội Quốc Liên.
- C. Hội liên hiệp quốc tế mới.
- D. Hội Tư bản.

Câu 4. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) diễn ra đầu tiên ở

- A. Anh.
- B. Mĩ.
- C. Pháp.
- D. Đức.

Câu 5. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là do

- A. các nước Tư bản không quản lí, điều tiết nền sản xuất.

Câu 5. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là do

- B. sản xuất một cách ồ ạt, chạy theo lợi nhuận trong những năm 1924-1929 dẫn đến cung vượt qua cầu.

- C. người dân không đủ tiền mua hàng hoá.
- D. tác động của cao trào cách mạng thế giới 1918-1923.

Câu 6. Hậu nghiêm trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

- A. Hàng trực triệu người trên thế giới thất nghiệp.
- B. Nhiều người bị phá sản, mất hết tiền bạc và nhà cửa.

Câu 6. Hậu nghiêm trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

- C. Sự xuất hiện của chủ nghĩa Phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới 2.

- D. Lạm phát trở nên phi mã, nhà nước không thể điều tiết được.

Câu 7. Trước nguy cơ xuất hiện của chủ nghĩa Phát xít, và chiến tranh thế giới mới, quốc tế cộng sản đã

- A. Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít.
- B. Giúp đỡ nước Pháp chống chủ nghĩa phát xít.
- C. Kêu gọi nhân dân thế giới nhanh chóng thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng.
- D. Tìm cách hạn chế quyền lực của Hitler.

Câu 8. Thắng lợi của mặt trận nhân dân Pháp trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh đế quốc là đã

- A. Lật đổ được chế độ phát xít tồn tại lâu đời ở Pháp.
- B. Thành lập đảng cộng sản Pháp.

- C. Thành lập hội liên hiệp ~~nhóm Thủ lĩnh~~ phiến binh Cộng Pháp.
D. Giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 6/1936 và thành lập một chính phủ mới.

Câu 9. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) đã hình thành 2 khối đế quốc đối lập nhau là

- A. Mĩ – Anh – Đức và Nhật-Ý- Pháp.
B. Mĩ –Ý- Nhật và Anh- Pháp – Đức
C. Mĩ – Anh – Pháp và Đức-Ý- Nhật.
D. Đức- Áo – Hung- Ý và Anh- Pháp – Nga.

Câu 10. Đặc điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) là

- A. Cuộc khủng hoảng thiêu.
B. Cuộc khủng hoảng ngắn nhất trong lịch sử.
C. Cuộc khủng hoảng thừa, trầm trọng và kéo dài nhất.
D. Cuộc khủng hoảng thiêu và trầm trọng nhất.

Câu 11. Hội quốc liên ra đời nhằm mục đích :

- A. Duy trì một trật tự thế giới mới.**
B. Bảo vệ hoà bình và an ninh thế giới.
C. Giải quyết tranh chấp quốc tế.
D. Không chế sự lũng đoạn của các công ty độc quyền xuyên quốc gia.

Câu 12. Nhằm duy trì trật tự thế giới mới hội Quốc liên thành lập là

- A. một tổ chức chính trị , mang tính quốc tế đầu tiên.**
B. tổ chức kinh tế thế giới đầu tiên.
C. một tổ chức vừa kinh tế vừa chính trị đầu tiên của thế giới.
D. một tổ chức nhằm giao lưu văn hóa trên thế giới.

Câu 13. Em hiểu thế nào là hệ thống Véc xai Oa sinh ton ?

- A. Thiết lập trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm phân chia quyền lợi.
B. Xác lập mối quan hệ kinh tế và chính trị giữa các nước đế quốc và thuộc địa.
C. Xác lập mối quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.
D. Xác lập mối quan hệ giữa các nước đế quốc với thuộc địa.

Câu 14. Để thoát khỏi khủng hoảng các nước Anh, Pháp, Mỹ chọn lối thoát nào sau đây

- A. Duy trì chế độ dân chủ đại nghị.**
B. Tiến lên con đường chủ nghĩa xã hội.
C. Xác lập chế độ phát xít.
D. Tăng cường xâm chiếm thuộc địa.

Câu 15. Để thoát khỏi khủng hoảng Đức ,Ý ,Nhật, tìm cho mình lối thoát nào sau đây

- A. Thiết lập chủ nghĩa phát xít.**

B. Duy trì chế độ chủ nghĩa [www.Thuvienhoclieu.Com](#)

C. Tăng cường xâm chiếm thuộc địa.

D. Tiến lên con đường chủ nghĩa tư bản.

Câu 16. Quan hệ hòa bình giữa các nước tư bản trong thời gian sau chiến tranh thế giới thứ nhất

A. Tạm thời và mong manh.

B. Lâu dài và bền vững.

C. Lâu dài.

D. Mong manh.

Câu 17. Hội nghị hòa bình ở Véc Xai 1919- 1920 diễn ra ở quốc gia nào ?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Đức.

D. Mỹ.

Câu 18. Những nước nào sau đây, sau chiến tranh thế giới thứ nhất không có hoặc có ít thuộc địa.

A. Đức, Ý, Nhật.

B. Anh, Pháp, Mỹ.

C. Anh, Pháp, Nga.

D. Nga, Nhật, Ý.

Câu 19. Khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản, kéo dài 4 năm gây hậu quả về kinh tế, chính trị, xã hội, nhiều cuộc đấu tranh diễn ra ở đâu ?

A. khắp các nước.

B. Châu Âu.

C. Châu Á.

D. Ở các nước tư bản và thuộc địa.

BÀI 12: NUỐC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1929 – 1939)

Câu 1. (Thông hiểu) Chủ nghĩa phát xít là gì?

A. Nền chuyên chính độc tài khùng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

B. Chế độ độc tài tư bản phản động.

C. Chế độ độc tài, phân biệt chủng tộc, chống cộng sản.

D. Nền chuyên chính khùng bố công khai, đứng đầu là Hit-le.

Câu 2. (Thông hiểu) Nguyên nhân nào dẫn đến việc đảng Quốc xã lén cầm quyền ở Đức?

A. Giai cấp tư sản cầm quyền ở Đức bất lực đối với cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1923.

B. Giai cấp tư sản ủng hộ Hit-le.

C. Đảng Cộng sản, đảng Xã hội dân chủ thiểu kiêm quyết chống chủ nghĩa phát xít.

D. Đảng Quốc xã có lực lượng mạnh, đứng đầu là Hit-le.

Câu 3. (Thông hiểu) Ngành công nghiệp được chú trọng ở Đức thời kì 1933 – 1939 là

A. công nghiệp quân sự.

B. công nghiệp nặng.

C. công nghiệp nhẹ.

D. công nghiệp đường sắt, đóng tàu.

Câu 4. (Thông hiểu) Nguyên nhân Đức trở thành lò lửa chiến tranh ở Châu Âu là

A. tính hiếu chiến của giới cầm quyền Đức.

B. kinh tế phát triển nhất Châu Âu nhưng có ít thuộc địa.

C. tài quân sự của Hit-le.

D. lãnh thổ Đức rộng lớn, tiềm lực quân sự mạnh.

Câu 5. (Thông hiểu) Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 làm động như thế nào đến nước Đức?

- A. Kinh tế nước Đức bị tàn phá nghiêm trọng.
- B. Sản xuất công nghiệp giảm 48%, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.
- C. Sản xuất công nghiệp giảm 47%, 5 triệu người thất nghiệp.**
- D. Đức mất 1/8 diện tích lãnh thổ, 1/12 dân số, 1/3 mỏ sắt.

Câu 6. (Thông hiểu) Sự kiện Hít-le tự xưng là Quốc trưởng suốt đời thể hiện

- A. Hít-le thật sự nắm quyền ở Đức.
- B. tính độc tài phát xít.**
- C. tài quân sự tuyệt vời của Hít-le.
- D. sự bất lực của giới tư sản cầm quyền ở Đức.

Câu 7. (Thông hiểu) Tại sao quá trình phát xít hóa bộ máy nhà nước ở Đức diễn ra nhanh?

- A. Vì thế lực của Đảng Quốc xã trong quần chúng nhân dân mạnh.
- B. Vì được sự ủng hộ của giai cấp tư sản cầm quyền.
- C. Vì sự thiếu thống nhất trong đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít của Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội dân chủ.**
- D. Vì con đường phát xít hóa bộ máy nhà nước phù hợp với sự phát triển của nước Đức.

Câu 8. (Thông hiểu) Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-den-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng đã

- A. mở ra thời kỳ phát triển mới trong lịch sử nước Đức.
- B. đánh dấu sự thắng lợi của chủ nghĩa phát xít ở nước Đức.
- C. mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.**
- D. đánh dấu sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Đức.

Câu 9. (Thông hiểu) Việc làm đầu tiên của Hít-le sau khi lên nắm quyền ở Đức là

- A. tập trung phát triển kinh tế, trước hết là công nghiệp nặng.
- B. xây dựng quân đội thường trực mạnh chuẩn bị cho chiến tranh.
- C. thiết lập nền chuyên chính, độc tài, công khai khủng bố các đảng phái tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản.**
- D. tiến hành cải cách đất nước theo hướng dân chủ hóa.

Câu 10. (Thông hiểu) Dưới thời kì cầm quyền của Hít-le, nền kinh tế Đức được phát triển theo hướng

- A. đa dạng các ngành nghề, trong đó tập trung vào phát triển công nghiệp.
- B. chỉ chú trọng phát triển các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu dân sự.
- C. tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.**
- D. hàng hóa, phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

Câu 11. (Thông hiểu) Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên nhằm mục đích

- A. không muốn thực hiện các thỏa thuận được ký kết với các nước thằng trận.
- B. để được tự do hành động, triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.**
- C. để được tự do phát triển nền kinh tế, không bị ràng buộc bởi các nước tư bản khác.

Câu 12. (Vận dụng cao) Đánh giá nào sau đây là đúng về nước Đức trong những năm 1933 – 1939?

- A. Nước Đức có nền kinh tế phát triển nhanh, quốc phòng vững mạnh.
- B. Nước Đức đã vượt qua khủng hoảng kinh tế mà vẫn duy trì được nền dân chủ tư sản.
- C. Nước Đức trở thành “lò lửa” chiến tranh nguy hiểm nhất châu Âu.**
- D. Nước Đức trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của châu Âu và thế giới.

Câu 13. (Thông hiểu) Đâu là nguyên nhân cơ bản dẫn đến quá trình phát xít hóa bộ máy nhà nước ở Đức?

- A. Đức là nước bị tàn phá nặng nề nhất trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Đức là nước thua trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- C. Đức là nước thua trận và bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.**
- D. Đức có ít thuộc địa và nghèo tài nguyên nhất trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 14. (Thông hiểu) Đảng Quốc xã đã tuyên truyền, kích động như thế nào để gây ảnh hưởng trong quần chúng?

- A. Tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, chống các hòa ước bất bình đẳng.
- B. Tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc, chống các đảng phái phản động.
- C. Tuyên truyền chủ nghĩa phục thù, chống cộng sản và phân biệt chủng tộc.**
- D. Tuyên truyền chủ nghĩa bành trướng, chống các đảng phái dân chủ.

Câu 15. (Thông hiểu) Tại sao Hít-le lại tiến hành khủng bố trước hết nhắm vào Đảng Cộng sản Đức?

- A. Vì Đảng Cộng sản Đức là chính đảng lớn ở Đức.
- B. Vì Đảng Cộng sản Đức kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.**
- C. Vì Đảng Cộng sản Đức muốn xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đức.
- D. Vì Đảng Cộng sản Đức tìm cách liên kết với các đảng tiền bối khác.

Câu 16. (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây **không** nằm trong chủ trương tuyên truyền của Đảng Quốc xã?

- A. Chủ nghĩa phục thù.
- B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- C. Chống cộng sản.
- D. Chủ nghĩa yêu nước.**

Câu 17. (Vận dụng) So với các nước châu Âu khác, nền kinh tế Đức trong những năm 1933 – 1939 có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Kinh tế chậm phát triển, tỉ lệ lạm phát cao.
- B. Kinh tế phát triển nhanh, đặc biệt là công nghiệp.**
- C. Kinh tế chậm phục hồi, đặc biệt là công nghiệp.
- D. Kinh tế phục hồi nhưng vẫn thua xa Anh và Pháp.

Câu 18. (Vận dụng cao) Từ quá trình đấu tranh chống **củ mì** nghĩa phát xít ở Đức, nhân loại có thể rút ra bài học gì để bảo vệ hòa bình thế giới?

- A. Tập trung phát triển kinh tế, hợp tác cùng có lợi giữa các nước.
 - B. Kiên quyết đấu tranh chống lại các thế lực hiếu chiến, cực đoan.**
 - C. Đoàn kết các nước trong một tổ chức quốc tế vì lợi ích chung.
 - D. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị giữa các quốc gia.

Câu 19. (Thông hiểu) Quá trình phát xít hóa ở Đức có thể bị ngăn chặn không? Tại sao?

- A. Không thể ngăn chặn, do thế lực của Đảng Quốc xã quá mạnh.
 - B. Không thể ngăn chặn, do đây là sự phát triển tất yếu của nước Đức.
 - C. Có thể ngăn chặn, nếu giai cấp tư sản cầm quyền nhận thức được bản chất của Đảng Quốc xã.
 - D. Có thể ngăn chặn, nếu Đảng Cộng sản Đức và Đảng Xã hội dân chủ đoàn kết trong đấu tranh.

Câu 20. (Thông hiểu) Tại sao Đức lại dễ dàng rút ra khỏi Hội Quốc liên và tự do hành động?

- A. Vì Đức có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu.
 - B. Vì Đức có lực lượng quân sự hùng mạnh nhất châu Âu.
 - C. Vì Hội Quốc liên là một tổ chức quốc tế còn lỏng lẻo, vai trò chưa cao.
 - D. Vì Đức được các nước khác tạo điều kiện.

BÀI 13. NUỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động như thế nào đến kinh tế Mĩ?

- A. Kinh tế Mĩ chậm phát triển.
 - B. Kinh tế Mĩ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
 - C. Kinh tế Mĩ đạt mức tăng trưởng cao trong suốt chiến tranh.
 - D. Kinh tế Mĩ bị khủng hoảng nghiêm trọng.

Câu 2. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, vị thế kinh tế Mĩ trong thế giới tư bản chủ nghĩa là
A. nước tư bản chủ nghĩa giàu mạnh nhất.

- B. nước tư bản chủ nghĩa đứng thứ hai thế giới.
 - C. nước tư bản chủ nghĩa đứng thứ ba thế giới.
 - D. nước tư bản chủ nghĩa đứng thứ tư thế giới.

Câu 3. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 diễn ra đầu tiên ở

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Mĩ.

Câu 4. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 bắt đầu từ lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp nặng.
B. Tài chính ngân hàng.
C. Tản xuất hàng hóa.
D. Nông nghiệp.

Câu 5. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Mĩ là

- A. hình thành các tơ rot khổng lồ với những tập đoàn tài chính giàu sụ.
- B. đế quốc thực dân với hệ thống thuộc địa rộng lớn và đông dân.
- C. đế quốc xuất khẩu tư bản và cho vay nặng lãi.
- D. đế quốc thực dân và cho vay nặng lãi.

Câu 6. Ai đã đề ra “chính sách mới” và đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929-1933?

- A. Tơ-ru-man.
- B. Ru-dơ-ven.
- C. Ai-xen-hao.
- D. Clin-ton

Câu 7. “Chính sách mới” là chính sách, biện pháp được thực hiện trên lĩnh vực

- A. nông nghiệp.
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. kinh tế, tài chính và chính trị, xã hội.
- D. đời sống xã hội.

Câu 8. Đạo luật quan trọng nhất trong “chính sách mới” là

- A. đạo luật ngân hàng.
- B. đạo luật phục hưng công nghiệp.
- C. đạo luật điều chỉnh nông nghiệp.
- D. đạo luật chính trị, xã hội.

THÔNG HIỆU

Câu 9. Ai là tổng thống duy nhất của nước Mĩ giữ chức suốt 4 nhiệm kì liên?

- A. Ai-xen-hao.
- B. Ken-no-dy.
- C. Ru-dơ-ven.
- D. Tơ-ru-man.

Câu 10. Chính phủ Ru-dơ-ven của Mĩ đề ra chính sách láng giềng thân thiện nhằm

- A. đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- B. biến các nước Mĩ la-tinh thành sân sau.
- C. cải thiện quan hệ với các nước Mĩ la-tinh.
- D. không chế các nước Mĩ la-tinh.

Câu 11. Năm 1921 diễn ra sự kiện gì ở nước Mĩ có liên quan đến phong trào đấu tranh của công nhân ở nước này?

- A. Đảng công nhân cộng sản chủ nghĩa Mĩ thành lập.
- B. Đảng cộng sản Mĩ ra đời.
- C. Đảng cộng hòa Mĩ thành lập.
- D. Phong trào công nhân Mĩ đạt đỉnh cao.

Câu 12. Khi Mĩ rơi vào tình trạng khủng hoảng nặng nề về kinh tế, Mĩ đã giải quyết bằng con đường

- A. phát xít hóa bộ máy nhà nước.
- B. thực hiện chính sách ôn hòa.
- C. cải cách chế độ một cách ôn hòa.
- D. vừa phát xít hóa vừa giữ nguyên tư bản chủ nghĩa.

Câu 13. Chính sách đối ngoại của Mĩ trong thập niên 20 của thế kỷ XX là

- A. Chính sách láng giềng thân thiện.
- B. Chính sách đùa bẩn miệng hô chiến tranh.
- C. Chính sách mở cửa và hội nhập.

Câu 14. Mĩ đã thực hiện chính sách gì đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm thế giới?

- A. Chính sách thực lực nước Mĩ. B. Chính sách trung lập.
C. Chính sách chạy đua vũ trang. D. Chính sách lảng giềng thân thiện.

VẬN DUNG

Câu 15. Nước Mĩ đón nhận những “cơ hội vàng” từ

- A. Nền kinh tế phát triển thịnh đạt. B. Chiến tranh thế giới thứ nhất.
C. Khi tuyên bố rút khỏi hội Quốc Liên. D. Khi đảng Cộng hòa lê cầm quyền.

Câu 16. Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm thế giới, thái độ của nước Mĩ như thế nào?

- A. Kiên quyết đứng lên chống phát xít.
B. Khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động.
C. Cùng với phát xít gây ra chiến tranh thế giới hai.
D. Đứng về phe đồng minh chống phát xít.

Câu 17. Vì sao Mĩ thực hiện chính sách lảng giềng thân thiện?

- A. Khôi phục mối quan hệ với các nước Mĩ la-tinh.
B. Viện trợ nhân đạo đối với các nước Mĩ la-tinh.
C. Can thiệp vũ trang đối với các nước Mĩ la-tinh.
D. Ràng buộc Mĩ la-tinh vào Mĩ.

Câu 18. Tác động của Chính sách đạo luật trung lập của Mĩ?

- A. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít bành trướng khắp thế giới.
B. Làm ngơ cho chủ nghĩa phát xít bành trướng.
C. Kiên quyết ngăn chặn chủ nghĩa phát xít.
D. Góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động.

VẬN DUNG CAO

Câu 19. Vì sao “đạo luật phục hưng công nghiệp” là đạo luật quan trọng nhất trong “chính sách mới” của nước Mĩ?

- A. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và thị trường tiêu thụ.**
B. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và điều chỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp.
C. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và giải quyết nạn thất nghiệp.
D. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và các đạo luật về ngân hàng.

Câu 20. Đạo luật nào sau đây **không** nằm trong “chính sách mới” của Ru-do-ven?

- A. Đạo luật phục hưng công nghiệp. B. Đạo luật ngân hàng.

Bài 13: NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1. Nước Mỹ đón nhận “những cơ hội vàng” từ

- A. nền kinh tế phát triển thịnh đạt.
- B. chiến tranh thế giới thứ nhất.**
- C. khi tuyên bố rút khỏi hội quốc liên.
- D. đảng cộng hòa lên nắm chính quyền.

Câu 2. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nền kinh tế nước Mỹ như thế nào?

- A. Bị tàn phá nặng nề.
- B. Vẫn giữ được mức bình thường như trước chiến tranh.
- C. Bị khủng hoảng trầm trọng.
- D. Đạt mức tăng trưởng cao.**

Câu 3. Tổng thống nào của Mỹ thực hiện chính sách kinh tế mới để giải quyết khủng hoảng?

- A. Ru- dơ-ven.**
- B. Tơ-ru-man.
- C. Ai- xen-hao.
- D. Ken-nor-đi.

Câu 4. Đạo luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong các đạo luật giải quyết khủng hoảng kinh tế của Mỹ?

- A. Đạo luật về ngân hàng.
- B. Đạo luật về tài chính.
- C. Đạo luật phục hưng công nghiệp.**
- D. Đạo luật phục hưng thương mại.

Câu 5. Mỹ đã tiến hành cải thiện quan hệ với các nước ở khu vực nào?

- A. Châu âu.
 - B. Châu phi.
 - C. Mỹ Latinh.
 - D. Đông Nam Á.
- Câu 6. Trong chính sách đối ngoại của mình trong những năm 20 của thế kỷ XX, Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với nước nào?
- A. Trung Quốc.**
 - B. Đức.
 - C. Nhật Bản.
 - D. Liên xô.

Câu 7. Chính phủ Rudoven của Mỹ đề ra chính sách lảng giềng thân thiện nhằm

- A. đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- B. biến các nước Mỹ Latinh thành “sân sau êm đềm”.
- C. cải thiện quan hệ với các nước Mỹ Latinh.
- D. khống chế các nước Mỹ Latinh.

Câu 8. Tháng 5 – 1921, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở nước Mỹ có liên quan đến phong trào đấu tranh của công nhân nước này?

- A. Đảng công nhân cộng sản chủ nghĩa mĩ được thành lập.
- B. Đảng cộng sản mĩ ra đời.
- C. Đảng cộng hòa mĩ thành lập.
- D. Phong trào đấu tranh của công nhân mĩ lên đến đỉnh cao.**

Câu 9. Nước Mỹ đạt tới thời kỳ phồn vinh về kinh tế trong những năm 1924 – 1929 nhờ

- A. sự cạnh tranh quyết liệt giữa các tập đoàn tư bản.
- B. thu lợi nhuận trong chiến tranh.
- C. “chủ nghĩa tự do” trong phát triển kinh tế.**

Câu 10. Chính sách đối ngoại của Mỹ trong thập niên 20 của thế kỷ XX là

- A. “chính sách láng giềng thân thiện”.
- B. “chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh”.
- C. “chính sách mở cửa và hội nhập”.
- D. “chính sách chiến lược toàn cầu”.

Câu 11. Khi bị rơi vào tình cảnh khủng hoảng nặng nề, Mỹ giải quyết khủng hoảng bằng con đường nào?

- A. Phát xít hóa bộ máy nhà nước.
- B. Thực hiện chính sách ôn hòa.
- C. Giữ nguyên trạng thái tư bản chủ nghĩa.
- D. Vừa phát xít hóa vừa giữ nguyên tư bản chủ nghĩa.

Câu 12. Đứng trước cuộc khủng hoảng 1929 – 1933, tổng thống Roosevelt đã duy trì chế độ

- A. dân chủ tư sản.
- B. cộng hòa tư sản.
- C. độc tài phát xít.
- D. cộng hòa đại nghị.

Câu 13. Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, thái độ của Mỹ như thế nào?

- A. Kiên quyết chống phát xít.
- B. Khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động.
- C. Cùng với phát xít gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. Đứng về phe đồng minh chống phát xít.

Câu 14. Trung tâm kinh tế-tài chính của thế giới sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Mĩ.
- D. Đức.

Câu 15. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đem lại cho Mĩ cơ hội nào?

- A. Bán vũ khí và hàng hóa thu được nhiều lợi nhuận.
- B. Trở thành chủ nợ của Châu Âu.
- C. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng.
- D. Đem lại cơ hội vàng cho sự phát triển kinh tế.

Câu 16. Mĩ là trung tâm tài chính của thế giới vì

- A. Là chủ nợ của thế giới.
- B. Mĩ nắm 60% dự trữ vàng thế giới.
- C. Đồng đô la là đồng tiền quốc tế

Câu 17. Vai trò của nhà nước trong việc thực hiện chính sách mới của Tổng thống Roosevelt là

- A. chỉ kiểm soát về mặt tài chính.
- B. kiểm soát một số ngành công nghiệp then chốt.
- C. thả nổi kinh tế cho thị trường tự do điều chỉnh.
- D. nhà nước nắm vai trò điều tiết toàn bộ nền kinh tế.

Câu 18. Chính sách mới của Tổng thống Roosevelt đã

- A. tăng cường sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với nhân dân lao động.
- B. làm cho nước Mĩ có xu hướng đi theo chủ nghĩa phát xít.

- C. Cải thiện một phần đời **sống** của **nhân** **dân** **hỗn** **lao**. **Công**.
- D. Tấn công các tập đoàn độc quyền, tiến tới thủ tiêu các tổ chức tơ rợt khổng lồ.
- Câu 19.** Chính sách mới của Tổng thống Ru dơ ven đã mở ra giai đoạn phát triển mới nào của CNTB?
- A. Thời kì CNTB tự do cạnh tranh. B. Thời kì CNTB lũng đoạn.
- C. Thời kì CNTB lũng đoạn nhà nước. D. Thời kì tích lũy nguyên thủy TBCN.
- Câu 20.** Tổng thống Ru dơ ven đã bước qua một quy định của Hiến pháp Mĩ khi
- A. đề cao vai trò kinh tế của nhà nước.
- B. chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Liên Xô.
- C. làm tổng thống trong 4 nhiệm kỳ.
- D. thương lượng và hứa hẹn trao trả độc lập cho các nước Mỹ Latinh.
-

BÀI 14: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

I. Nhận biết

- Câu 1.** Khủng hoảng kinh tế (1929-1933) diễn ra nghiêm trọng nhất trong ngành nào của Nhật Bản?
- A. Ngành công nghiệp nặng. B. **Ngành nông nghiệp.**
- C. Ngành công nghiệp nhẹ. D. Ngành tài chính và ngân hàng.
- Câu 2.** Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) ở Nhật đạt đến đỉnh cao vào năm nào?
- A. Năm 1930. B. **Năm 1931.** C. Năm 1932. D. Năm 1933.
- Câu 3.** Để khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng giới cầm quyền Nhật Bản đã đề ra giải pháp nào?
- A. Cải cách kinh tế, xã hội. B. **Đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa.**
- C. Nhờ sự giúp đỡ bên ngoài. D. **Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.**
- Câu 4.** Nhật Bản đánh chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc vào thời gian nào?
- A. **Tháng 9 năm 1931.** B. Tháng 10 năm 1931.
- C. Tháng 9 năm 1932. D. Tháng 10 năm 1932.
- Câu 5.** Hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống lại chủ nghĩa quân phiệt Nhật là tổ chức nào?
- A. Phái “sĩ quan trẻ”. B. Phái “sĩ quan già”.
- C. Các viện quý tộc. D. **Đảng cộng sản Nhật.**
- Câu 6.** Nhật là nước thu được nhiều lợi trong chiến tranh thế giới thứ nhất sau
- A. nước Anh. B. **nước Mĩ.** C. nước Đức. D. nước Pháp.
- Câu 7.** Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh xâm lược
- A. **Trung Quốc.** B. Việt Nam. C. Triều Tiên. D. Mông Cổ.

Câu 8. Nguyên nhân nào dẫn đến ~~những~~ **Thị trường tiêu thụ hàng hóa** sút trầm trọng trong những năm 1929-1933?

- A. Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ năm 1929.
- B. Do tác động của cuộc khủng hoảng từ thập niên 20 của thế kỷ XX ở Nhật Bản.
- C. Do sự suy giảm trong nông nghiệp của Nhật.
- D. Do chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật.

II. Thông hiểu:

Câu 9. Khó khăn lớn nhất của Nhật Bản trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế 1929-1933 là gì?

- A. Thiếu nhân công để sản xuất công nghiệp.
- B. **Thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.**
- C. Sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Tây Âu.
- D. Thiếu nguồn vốn để đầu tư vào sản xuất.

Câu 10. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản có tác dụng như thế nào đối với quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật?

- A. Làm phá sản quá trình quân phiệt hóa.
- B. **Làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa.**
- Làm tăng nhanh quá trình quân phiệt hóa.
- Làm chuyển đổi quá trình quân phiệt hóa sang phát xít hóa.

Câu 11. Để vượt qua cuộc khủng hoảng 1929-1933 giới cầm quyền Nhật Bản đã chủ trương

- A. thực hiện chế độ chuyên chế độc tài phát xít.
- B. thực hiện nền dân chủ mở cửa, ứng dụng những thành tựu KHKT
- C. thực hiện chính sách mới của Tổng thống Rudoven.
- D. quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài**

Câu 12. Biểu hiện chứng tỏ hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 tác động mạnh nhất đến người lao động Nhật Bản ?

- A. Chính phủ Nhật không tiếp tục thực hiện chính sách trợ cấp xã hội.
- B. Hàng hóa khan hiếm không đáp ứng đủ nhu cầu xã hội.
- C. Thu nhập quốc dân giảm $\frac{1}{2}$.
- D. Nhân dân bị phá sản, 2/3 bị mất ruộng đất ; công nhân thất nghiệp lên tới 3 triệu người.**

Câu 13. Tại sao cuối thập niên 20 của thế kỷ XX, chính phủ Nhật Bản đã chuyển hướng sang thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại hiếu chiến?

- A. Do sự cạnh tranh của các cường quốc tư bản khác.
- B. Sự bất ổn định kinh tế-xã hội.
- C. Sức ép từ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.
- D. Sự khan hiếm nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.**

Câu 14. Ngành kinh tế của Nhật Bản chịu tác động nhiều nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

III. Vận dụng

Câu 15. Giới cầm quyền Nhật đã đề ra chủ trương gì để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929-1933)?

A. Quân sự hóa nền kinh tế phục vụ chiến tranh.

B. Phát xít hóa nền kinh tế.

C. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

D. Giữ nguyên trạng thái TBCN.

Câu 16. Điểm nào dưới đây là điểm khác nhau giữa quá trình phát xít hóa ở Nhật so với Đức?

A. Thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ chuyên chế độc tài phát xít.

B. Thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược.

C. Thông qua việc xâm lược các nước.

D Gây chiến tranh để chia lại thị trường ở các nước thuộc địa.

Câu 17. Cho các sự kiện:

1. Năm 1926, sản lượng công nghiệp mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh.

2. Tháng 11/1933 đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

3. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp tăng 28% so với giai đoạn trước khủng hoảng.

4. Khủng hoảng đạt đến đỉnh điểm năm 1931.

Sự kiện nào gắn với nước Nhật giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)

A. 1,3.

B. 1,4.

C. 2,3.

D. 2,4.

Câu 18. Lý do nào sau đây **không đúng** khi giải thích nguyên nhân Nhật Bản gây chiến tranh xâm lược bành trướng ra bên ngoài?

A. Thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường hàng hóa.

B. Truyền thống quân phiệt của Nhật.

C. Nhật muốn nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng kinh tế.

D. Nhật muốn làm bá chủ thế giới.

IV. Vận dụng cao:

Câu 19. Đặc điểm quá trình phát xít hóa ở Nhật?

A. Diễn ra thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược, kéo dài trong suốt thập niên 30 của thế kỷ XX.

B. Diễn ra trong một thời gian rất ngắn.

C. Diễn ra thông qua các nhóm, tổ chức phát xít giành thắng lợi trong tuyển cử Quốc hội.

D. Diễn ra thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ độc tài phát xít.

Câu 20. Nội dung nào sau đây ~~không~~~~không~~ là đặc điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đến nước Nhật?

- A. Các tổ chức độc quyền không còn ảnh hưởng lớn, chi phối nền kinh tế chính trị nước Nhật như trước nữa.
- B. Quá trình tập trung sản xuất ở Nhật được đẩy mạnh thêm.
- C. Kinh tế nhanh chóng suy sụp, mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt.
- D. Các tập đoàn tư bản được tăng cường thêm quyền lực.

BÀI 15: LỚP 11

NHẬN BIẾT

Câu 1. Phong trào Ngũ tú được coi là

- A. Cách mạng dân chủ tư sản.
- B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.**
- C. Cách mạng vô sản.
- D. Cách mạng giải phóng dân tộc..

Câu 2. Lực lượng chính tham gia vào phong trào Ngũ tú ngay từ ngày đầu bùng nổ là

- A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- B. Sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh.**
- C. Tư sản dân tộc và nông dân.
- D. Tất cả các tầng lớp nhân dân.

Câu 3. Ngày 4/5/1919, ở Trung Quốc diễn ra.

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| A. Phong trào Ngũ Tú. | B. Cuộc chiến tranh Bắc phạt. |
| C. Nội chiến Quốc-Cộng. | D. Cuộc Vạn lí trường chinh. |

Câu 4. Sau phong trào Ngũ tú, giai cấp nào nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc?

- | | | | |
|--------------|-----------------|------------|-------------------|
| A. Nông dân. | B. Tiểu tư sản. | C. Tư sản. | D. Vô sản. |
|--------------|-----------------|------------|-------------------|

Câu 5. Tháng 7/1921, ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện lịch sử gì?

- A. Cuộc chiến tranh Bắc phạt bùng nổ.
- B. Cuộc nội chiến Quốc-Cộng nổ ra.
- C. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.**
- D. Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Trung Quốc.

Câu 6. Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ trong những năm 1918-1929 đặt dưới sự lãnh đạo của

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| A. Đảng Quốc đại. | B. Đảng Cộng sản. |
| C. Đảng Quốc xã. | D. Đảng tự do. |

THÔNG HIỆU

Câu 1. Phong trào Ngũ tú đã giương cao khẩu hiệu:

- A. “Trung Quốc bất khả xâm phạm”..
- B. “Đã đảo đế quốc xâm lược”.
- C. “Trung Quốc của người Trung Quốc”.**
- D. “Trung Quốc độc lập muôn năm”.

Câu 2. Phong trào Ngũ tú đã ~~mở đầu~~ ~~Thay~~ ~~vì~~ ~~trào~~ ~~cách~~ ~~lịch~~ ~~sử~~ ~~Cộng~~ chống lại thế lực nào ở Trung Quốc?

- A. Đế quốc và tư sản mại bản.
- B. **Đế quốc và phong kiến.**
- C. Đế quốc và bọn phản cách mạng.
- D. Tư sản và phong kiến.

Câu 3. Tác dụng lớn nhất của phong trào Ngũ tú ở Trung Quốc là gì?

- A. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa Mác-Lê nin được truyền bá vào Trung Quốc.
- B. Cao điều kiện cho tư tưởng cách mạng tháng Mười Nga thâm sâu vào Trung Quốc.
- C. Thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ ở Trung Quốc.
- D. Dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921.**

VẬN DỤNG THẤP

Câu 1. Phong trào Ngũ tú đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ

- A. đánh đổ phong kiến sang đánh đổ đế quốc.
- B. cách mạng dân chủ sang cách mạng dân tộc.
- C. cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng vô sản.
- D. cách mạng dân chủ tư sản cũ sang cách mạng dân chủ tư sản mới.**

Câu 2. Phong trào Ngũ tú ở Trung Quốc diễn ra nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại sự bành trướng Trung Quốc của Nhật Bản.
- B. Ngăn chặn âm mưu nhòm ngó xâm lược của thực dân Anh.
- C. Phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.**
- D. Kêu gọi học sinh, sinh viên chống lại đế quốc, phong kiến.

Bài 16: CÁC NUỐC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Câu 1. Nét mới trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) là gì?

- A. Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc trong phong trào đấu tranh.
- B. Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng rộng rãi.
- C. Giai cấp vô sản bắt đầu trưởng thành từ thập niên 1920.
- D. Các Đảng Cộng sản thành lập và lãnh đạo phong trào đấu tranh.**

Câu 2. Mục tiêu đấu tranh mà giai cấp tư sản dân tộc đề ra trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á là

- A. đòi quyền lãnh đạo cách mạng.
- B. đoàn kết các lực lượng để chống đế quốc.
- C. đấu tranh giành độc lập bằng con đường hòa bình.
- D. đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị.**

Câu 3. Liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân 3 nước Đông Dương trong giai đoạn 1918 – 1939 được thể hiện ở sự kiện nào?

- A. Sự ra đời của Đảng CS Đông Dương và Mặt trận Dân chủ Đông Dương.**
- B. Một số cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng được thành lập ở 3 nước Đông Dương.
- C. Sự ra đời của Đảng CSVN (từ 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương).
- D. Cuộc vận động dân chủ Đông Dương đã tập hợp đông đảo nhân dân Đông Dương.

Câu 4. Nguyên nhân chính của phong trào đấu tranh chống Pháp ở Lào và Campuchia trong những năm 1918 – 1939 là

- A. Thực dân Pháp đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng.
- B. Sự ra đời của Đảng CSVN (từ 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) lãnh đạo nhân dân đấu tranh.
- C. Cuộc vận động dân chủ đã tạo động lực cho sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- D. Chính sách khai thác thuộc địa và chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề của thực dân Pháp.**

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào của Lào trong những năm 1918 – 1939 lan rộng đến vùng Tây Bắc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa của Ông Kẹo.
- B. Khởi nghĩa của Com-ma-dam.
- C. Khởi nghĩa của Chậu pa-chay.**
- D. Phong trào chống thuế.

Câu 6. Sau CTTG I, trước sự chèn ép của các nước đế quốc, giai cấp nào ở khu vực Đông Nam Á đã hăng hái đứng ra lập đảng phái, tổ chức chính trị đấu tranh?

- A. Tự sản dân tộc.**
- B. Tư sản.
- C. Nông dân.
- D. Công nhân.

Câu 7. Trong những năm 1929-1933 sự kiện nào là tiêu biểu cho phong trào chống Pháp ở Đông Dương?

- A. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam
- B. Cuộc khởi nghĩa của Ông Kẹo và Com-ma-đam.
- C. Cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931**
- D. Phong trào chống thuế ở Công-pông-chơ-năng.

Câu 8. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào vô sản ở Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến

- A. Hình thành cao trào cách mạng.
- B. Chủ nghĩa Mác-Lê nin truyền bá sâu rộng.
- C. Giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành.
- D. Đảng Cộng sản thành lập ở các nước**

Câu 9. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước Đông Nam Á đã khẳng định điều gì?

- A. Cách mạng ở Đông Nam Á chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo.
- B. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị quan trọng.**
- C. Hình thành cao trào cách mạng.
- D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng sâu rộng.

Câu 10. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Đông Nam Á lớn mạnh cùng sự phát triển kinh tế công thương nghiệp?

- A. Giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp nông dân.
- C. Giai cấp TS dân tộc.**
- D. Giai cấp TS mại bản.

Câu 11. Đảng Cộng sản nước nào được thành lập đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đảng CS Việt Nam.
- B. Đảng CS Phi-lip-pin.
- C. Đảng CS Mã Lai.
- D. Đảng CS In-đô-nê-xi-a.**

Câu 12. Trong những năm 1930, ~~vào~~ ~~Đảng~~ ~~Việt~~ ~~Nam~~ ~~là~~ ~~điều~~. ~~Đó~~ ở những nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á?

- A. Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-lip-pin.
 - B. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Xiêm.
 - C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mã lai.
 - D. Việt Nam, Mã Lai, Lào, In-đô-nê-xi-a.
-

Bài 16. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu hỏi nhận biết

Câu 1. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nơi nào được coi là thuộc địa quan trọng và giàu có nhất trong các thuộc địa của Pháp?

- A. Đông Nam Á.
- B. Việt Nam
- C. Ba nước Đông Dương.
- D. Châu Mĩ la tinh.

Câu 2. Sự phân hóa xã hội của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất bị tác động bởi yếu tố nào?

- A. Sự thống trị của các nước đế quốc.
- B. Cuộc khai thác của các nước đế quốc.
- C. Sự xâm nhập của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- D. Hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trước sự chèn ép của các nước đế quốc giai cấp nào hăng hái đứng ra lập đảng phái, tổ chức chính trị để đấu tranh?

- A. Tự sản dân tộc.
- B. Tư sản.
- C. Nông dân.
- D. Công nhân.

Câu 4. Trong những năm 1929-1933 sự kiện nào là tiêu biểu cho phong trào chống Pháp ở Đông Dương?

- A. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.
- B. Đảng cộng sản Đông Dương thành lập.
- C. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- D. Phong trào chống thuế ở Công-pông-cho-năng.

Câu 5. Đảng Cộng sản ở các nước Đông Nam Á thành lập chịu ảnh hưởng bởi cơ sở lý luận nào?

- A. Cách mạng tháng Mười.
- B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản.
- C. Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- D. Phong trào công nhân.

Câu 6. Vì sao trong những năm 20 của thế kỷ XX chủ nghĩa Mác-Lê nin được truyền bá vào Đông Dương?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và tác động.
- B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản không ngừng diễn ra.
- C. Chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành.
- D. Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ.

Câu 7. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân đã dẫn đến

- A. hình thành cao trào cách mạng.

B. chủ nghĩa Mác-Lê nin **có điều kiện vành đai**.Com

C. giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành.

D. Đảng cộng sản thành lập ở các nước.

Câu hỏi thông hiểu

Câu 8. Điểm nổi bật trong hoạt động chính trị của giai cấp tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. đấu tranh đòi những quyền lợi kinh tế.

B. đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh.

C. đòi thi hành những cải cách dân chủ.

D. đấu tranh đòi quyền kinh doanh và được tham gia trong một số cơ quan nhà nước.

Câu 9. Lực lượng nào đã đóng vai trò nổi bật trong việc phát động các phong trào dân tộc tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Giai cấp tư sản dân tộc.

B. Tầng lớp dân nghèo thành thị.

C. Giai cấp công nhân.

D. Tầng lớp tri thức học sinh, sinh viên, viên chức.

Câu 10. Từ những năm 20 của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á đã xuất hiện và phát triển một xu hướng mới là

A. xu hướng tư sản.

B. xu hướng bạo động.

C. xu hướng cải cách.

D. xu hướng vô sản.

Câu 11. Đảng Cộng sản được thành lập sớm nhất ở Đông Nam Á là

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

C. Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.

D. Đảng Cộng sản Miến Điện.

Câu 12. Sự kiện nào trong nửa đầu thập niên 30 (1930-1935) đã đánh dấu phong trào cách mạng Lào và Cam-pu-chia chuyển sang một thời kỳ mới ?

A. Chính quyền Xô viết được thành lập ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

B. Đảng nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.

D. Đảng nhân dân Cách mạng Cam-pu-chia thành lập

Câu 13. Phong trào nào sau đây đã tập hợp đồng đảo đã tập hợp các tầng lớp nhân dân để chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh ở Đông Dương.

A. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Phong trào đoàn kết các Đảng Cộng sản ở khu vực Đông Nam Á.

C. Phong trào Xô viết.

D. Phong trào dân chủ.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu cho liên minh chống Pháp của hai nước Việt- Lào?

A. Khởi nghĩa Ông Kẹo và Com- ma- đam.

B. Khởi nghĩa của Châu Pa- chay.

C. Khởi nghĩa của nông dân Rô-lê-phan.

D. Khởi nghĩa ở Bô- lô –ven.

Câu 15. Điểm mới của phong trào dân tộc tư sản ở Đông Nam Á sau Chiến Tranh thế giới thứ nhất là

- A. kiên quyết từ bỏ con đường cải lương.
- B. **thành lập được các tổ chức chính đảng tư sản có mục tiêu giành độc lập dân tộc rõ ràng.**
- C. lôi kéo được giai cấp công nhân trong nước đi theo làm cách mạng.
- D. chỉ tập trung đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 16. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước Đông Nam Á đã khẳng định điều gì?

- A. Cách mạng ở Đông Nam Á chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo.
- B. **Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị quan trọng.**
- C. Hình thành cao trào cách mạng.
- D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng.

Câu 17. Đặc điểm lớn nhất của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chỉ có xu hướng tư sản phát triển mạnh.
- B. **Tồn tại và phát triển song song hai xu hướng tư sản và vô sản.**
- C. Chỉ có xu hướng vô sản.
- D. Chỉ có xu hướng cải cách.

Câu 18. Đầu là nguyên nhân thất bại của phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

- A. **Còn tự phát, phân tán, chưa có một tổ chức, lãnh đạo chưa đủ khả năng.**
- B. Không lôi kéo được đông đảo nhân dân lao động tham gia.
- C. Nội bộ những người lãnh đạo có sự chia rẽ, mất đoàn kết.
- D. Sự xung đột gay gắt giữa hai dân tộc Cam-pu-chia và Lào.

Câu 19. Quy luật nào rút ra từ phong trào đấu tranh giành và giữ nền độc lập dân tộc của cá nước trên bán đảo Đông Dương trên bán đảo Đông Dương?

- A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- B. Sự lãnh đạo của đảng Dân tộc tư sản.
- C. **Liên minh, đoàn kết chiến đấu cùng chống kẻ thù chung.**
- D. Sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 20. Điểm khác biệt về lực lượng lãnh đạo trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của ba nước Đông Dương so với các nước Đông Nam Á từ thập niên 30 của thế kỉ XX trở đi là

- A. lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc.
- B. lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. sự lãnh đạo của các tổ chức chính trị, xã hội.
- D. **sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.**

BÀI 19 : NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LUỢC **(TỪ 1858- ĐẾN 1873)**

Câu 1. Thực dân Pháp xâm lược [Việt Nam và bản đồ](#) [www.Thuvienhoclieu.Com](#)

- A. **biển Việt Nam thành thuộc địa.**
- B. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh.
- C. hoàn thành xâm chiếm các nước châu Á.
- D. giúp Nhà Nguyễn củng cố chính quyền phong kiến.

Câu 2. Vào giữa thế kỉ XIX, trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia

- A. thuộc địa.
- B. phong kiến lê thuộc vào nước ngoài.
- C. nửa thuộc địa nửa phong kiến.
- D. phong kiến độc lập, có chủ quyền.**

Câu 3. Cuộc kháng chiến của quân dân ta ở Đà Nẵng (từ tháng 8/1958 đến tháng 2/1859) đã

- A. làm thất bại hoàn toàn âm mưu “ đánh nhanh, thắng nhanh ” của Pháp.
- B. bước đầu làm thất bại âm mưu “ đánh nhanh, thắng nhanh ” của Pháp.**
- C. bước đầu làm thất bại âm mưu “ chinh phục từng gói nhỏ ” của Pháp.
- D. làm thất bại âm mưu “ chinh phục từng gói nhỏ ” của Pháp.

Câu 4. Đốt cháy tàu Ét-pê-răng (10/12/1861) trên sông Vàm cỏ là chiến công của

- A. nghĩa quân Trương Quyền.
- B. nghĩa quân Nguyễn Trung Trực.**
- C. nghĩa Quân Trương Định.
- D. nghĩa quân Tôn Thất Thuyết.

Câu 5. Năm 1858 Pháp tấn công Đà Nẵng với chiến thuật

- A. đánh lẩn dẩn.
- B. đánh lâu dài.
- C. “chinh phục từng gói nhỏ”.
- D. đánh nhanh thắng nhanh.**

Câu 6. Nhà Nguyễn ký hiệp ước Nhâm Tuất 1862 với Pháp trong hoàn cảnh nào ?

- A. Phong trào kháng chiến của ta dâng cao, quân giặc bối rối.**
- B. Pháp đã chiếm xong 6 tỉnh Nam Kì.
- C. Phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kì phát triển mạnh.
- D. Quân dân ta đã giành chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất.

Câu 7. Khi biết tin Pháp tấn công Đà Nẵng, Ông đã tự chiêu mộ 300 người, xin Vua được ra chiến trường. Ông là ai ?

- A. Phan Văn Trị.
- B. Nguyễn Trường Tộ.
- C. Phạm Văn Nghị.**
- D. Nguyễn Trị Phương.

Câu 8. Đâu **không** phải là nội dung của hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862).

- A. triều đình nhường hòn cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kì.
- B. bồi thường cho Pháp 20 triệu quan.
- C. triều đình phải mở 3 cửa biển : Ba Lạt, Quảng Yên, Đà Nẵng
- D. triều đình chính thức thừa nhận 6 tỉnh Nam Kì là vùng đất thuộc Pháp.**

Câu 9. Ông là người được nhân dân phong “Bình Tây đại nguyên soái”.

- A. Trương Quyền.
- B. Nguyễn Trung Trực.
- C. Trương Định.**
- D. Nguyễn Tri Phương.

Câu 10. Bản Hiệp ước đầu hàng đầu tiên nhà Nguyễn kí với Pháp là

- A. Nhâm Tuất.**
- B.Tân Sửu.

C.Giáp Tuất.

D. Hắc Măng.

Câu 11. Tại mặt trận Đà Nẵng, quân dân ta đã sử dụng chiến thuật gì chống lại liên quân Pháp -Tây Ban Nha?

- A.“ thủ hiềm ”.
- B.“ đánh nhanh thắng nhanh ”.
- C.“ chinh phục từng gói nhỏ ”.
- D. “vườn không nhà trống”.**

Câu 12. Ngày 17/2/1859 diễn ra sự kiện nào sau đây ?

- A. Liên quân Pháp –Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.
- B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.**
- C. Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.
- D. Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.

Câu 13. Một trong những âm mưu của thực dân Pháp khi đưa quân từ Đà Nẵng vào Gia Định(2.1959)

- A. làm bàn đạp tấn công kinh thành Huế.
- B. hoàn thành chiếm Trung kì.
- C. cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình.**
- D. buộc nhà Nguyễn đầu hàng không điều kiện.

Câu 14. Sau khi chiếm thành Gia Định (1859), quân Pháp rơi vào tình thế*

- A. bị nghĩa quân bám sát để quấy rối và tiêu diệt.**
- B. bị thương vong gần hết.
- C. bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn.
- D. bị thiệt hại nặng nề do bệnh dịch.

Câu 15. Năm 1860,quân triều đình **không** giành được thắng lợi trên chiến trường Gia Định do

- A. không chủ động tấn công giặc.**
- B. thiếu sự ủng hộ của nhân dân.
- C. quân ít.
- D. tinh thần quân triều đình sa sút.

Câu 16. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất 1862,thái độ của Triều Đinh đối với nghĩa binh chống Pháp ở Gia Định,Biên Hòa Định Tường *

- A.khuyến khích và ủng hộ các nghĩa binh.
- B.ra lệnh giải tán các nghĩa binh.**
- C.yêu cầu quân triều đình cùng các nghĩa binh chống Pháp.
- D.cử quan lại chỉ huy các nghĩa binh.

Câu 17. Sáng 1-9-1858 diễn ra sự kiện nào sau đây ?

- A. Liên quân Pháp-Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.
- B. Liên quân Pháp –Tây Ban Nha nổ súng rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.**
- C. Pháp chiếm thành Gia Định.
- D.Hiệp ước Nhâm Tuất được ký kết.

Câu 18. Với hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862), nhà Nguyễn đã nhượng hẳn cho Pháp

- A. Biên hòa,Gia định,Định tường và đảo Côn Lôn.**
- B. Biên hòa,Gia định,Vĩnh Long và đảo Côn lôn.

C. Biên hòa, Hà Tiên, Định www.Thuvienhoclieu.Com

D. An giang, Gia định, Định tường và đảo Côn lôn.

Câu 19. Triều đình Huế thực hiện kế sách gì khi Pháp tấn công Gia Định?

A. Chiêu tập binh sĩ, tích cực đánh Pháp.

B. đàm phán.

C. Thương lượng để quân Pháp rút lui.

D. xây dựng phòng tuyến để phòng ngự.

Câu 20. Ngày 5/6/1862, diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.

B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.

C. Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.

D. Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.

Câu 21. Âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công Đà Nẵng là

A. thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.

B. chiếm Đà Nẵng để lập một tô giới riêng của Pháp.

C. chiếm Đà Nẵng làm căn cứ rồi tấn công ra Huế.

D. biến Đà Nẵng thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Câu 22. Sau thất bại ở Đà Nẵng, Pháp chuẩn bị kế hoạch gì tiếp theo?

A. Cố thủ chờ viện binh.

B. Đánh thắng kinh thành Huế.

C. Nhờ Anh giúp đỡ đánh tiếp.

D. Kéo quân vào đánh Gia Định.

Câu 23. Lực lượng tấn công Đà Nẵng vào cuối năm 1858, bao gồm liên quân của các nước

A. Pháp – Mĩ.

B. Pháp – Anh.

C. Pháp – Tây Ban Nha.

D. Pháp – Bồ Đào Nha.

Câu 24. Ba tỉnh miền Tây Nam Kì bị Pháp chiếm nhanh chóng vào 1867 là

A. Hà Tiên, Vĩnh Long, Kiên Giang.

B. Vĩnh Long, Định Tường, An Giang.

C. Hà Tiên, An Giang, Cần Thơ.

D. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Câu 25. Vì sao thực dân Pháp chiếm được 3 tỉnh miền Tây Nam Kì một cách nhanh chóng?

A. Quân đội triều đình trang bị vũ khí quá kém.

B. Triều đình bạc nhược, thiếu kiên quyết chống Pháp.

C. Thực dân Pháp tấn công bất ngờ.

D. Nhân dân không ủng hộ triều đình chống Pháp.

Câu 26. Ngày 23/2/1861, diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.

B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.

C. Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.

D. Ta kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất

Câu 27. Ai là tác giả của câu nói “bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam, thì mới hết người Nam đánh Tây” ?

A. Nguyễn Trung Trực.

B. Nguyễn Tri Phương.

C. Trương Định.

D. Hoàng Diệu.

Câu 28. Đâu không phải là lí do ~~vì~~ ~~để~~ ~~Hà~~ ~~Nội~~ ~~Đánh~~ ~~Nhật~~ là mục tiêu tấn công nước ta đầu tiên ?

- A. Cảng biển sâu, rộng.
- B. Gần kinh thành Huế.
- C. Gần đồng bằng Nam-Ngãi.
- D. Là vựa lúa lớn của Việt Nam.

BÀI 20. CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ 1873-1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG.

Câu 1. Lấy có gì thực dân Pháp đem quân tấn công Hà Nội lần thứ nhất?

- A. Nhà Nguyễn tiếp tục liên lạc với nhà Thanh.
- B. Vì nhu cầu về thị trường, nguyên liệu, nhân công,...
- C. Nhà Nguyễn không trả chi phí cho Pháp.
- D. Giải quyết vụ gây rối của Duy-puy.

Câu 2. Người lãnh đạo cuộc chiến đấu chống Pháp tấn công thành Hà Nội lần nhất là

- A. Nguyễn Tri Phương.
- B. Tôn Thất Thuyết.
- C. Hoàng Diệu.
- D. Phan Thanh Giản.

Câu 3. Sau thất bại trận Cầu Giấy lần thứ hai (19/5/1883) thực dân Pháp làm gì?

- A. Càng củng cố quyết tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.
- B. cho quân rút khỏi Hà Nội để bảo toàn lực lượng.
- C. Tăng viện binh từ Pháp sang để tái chiếm Hà Nội.
- D. Tiến hành đòn áp, khủng bố nhân dân ta.

Câu 4. Với hiệp ước Giáp Tuất (ký năm 1874), triều đình nhà Nguyễn đã chính thức thừa nhận

- A. ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là đất thuộc Pháp.
- B. ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là đất thuộc Pháp.
- C. sáu tỉnh Nam kỳ là đất thuộc Pháp.
- D. sáu tỉnh Nam kỳ và đảo Côn lôn là đất thuộc Pháp.

Câu 5. Người lãnh đạo cuộc chiến đấu chống Pháp tấn công thành Hà Nội lần hai là

- A. Nguyễn Tri Phương.
- B. Tôn Thất Thuyết.
- C. Hoàng Diệu.
- D. Phan Thanh Giản.

Câu 6. Vì sao thực dân Pháp đem quân tấn công Hà nội lần thứ hai?

- A. Nhà Nguyễn tiếp tục liên lạc với nhà Thanh.
- B. Vì nhu cầu về thị trường, nguyên liệu, nhân công,...
- C. Giải quyết vụ gây rối của Duy-puy.
- D. Nhà Nguyễn không trả chi phí cho Pháp.

Câu 7. Sau Hiệp ước Hác-măng (1883), thái độ của triều đình đối với phong trào kháng chiến của nhân dân như thế nào?

- A. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp trong cả nước.
- B. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Trung kỳ.
- C. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Nam kỳ.
- D. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Bắc Kỳ.

Câu 8. Ngày 20/11/1873, diễn ra sự kiện gì ở Bắc Kì?

A. Pháp nổ súng tấn công ~~thành Hà Nội~~ **Thienhoclieu.Com**

- B. Quân dân ta anh dũng đánh bại cuộc tấn công của Pháp ở Hà Nội.
- C. Nhân dân Hà Nội chủ động đốt kho đạn của Pháp.
- D. Thực dân Pháp đánh chiếm Thanh Hóa.

Câu 9. Lấy cớ gì Pháp đưa quân ra đánh Hà Nội lần thứ hai

- A. Pháp có đặc quyền, đặc lợi ở Việt Nam.
- B. Nước Pháp bắt đầu bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nên phải có thuộc địa.
- C. Triều đình Huế vi phạm Hiệp ước 1874.**
- D. Triều đình nhà Nguyễn ngang nhiên chống lại Pháp.

Câu 10. Từ ngày 20 đến 24/6/1867, thực dân Pháp đã chiếm ba tỉnh nào ở Nam Kỳ

- A. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa.
- B. An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng.
- C. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.**
- D. Tiền Giang, Long An, Hà Tiên.

Câu 11. Trận Cầu Giấy năm 1873 (Hà Nội) đã gây cho Pháp tổn thất nặng nề nhất là

- A. quân Pháp phải bỏ thành Hà Nội về trấn giữ ở Nam Định.
- B. Gác-ni-ê bị chết tại trận.**
- C. quân Pháp phải rút quân khỏi Miền Bắc.
- D. quân Pháp bị bao vây, uy hiếp.

Câu 12. Với hiệp ước Giáp Tuất (ký năm 1874), triều đình nhà Nguyễn đã chính thức thừa nhận

- A. Sáu tỉnh Nam kỳ là đất thuộc Pháp.**
- B. Sáu tỉnh Nam kỳ và đảo Côn lôn là đất thuộc Pháp
- C. Ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là đất thuộc Pháp.
- D. Ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

Câu 13. Trận đánh gây được tiếng vang lớn nhất năm 1873 ở Bắc Kỳ là trận nào?

- A. Trận bao vây quân địch ở thành Hà Nội.
- B. Trận đánh địch ở Thanh Hóa.
- C. Trận phục kích của quân Cờ đen tại Cầu Giấy.**
- D. Trận phục kích của quân Cờ đen tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa).

Câu 14. Sự kiện nào đánh dấu thực dân Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam?

- A. Sau khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai
- B. Sau khi Hiệp ước Hác-măng và Pa-to-nốt kí kết.**
- C. Sau khi đánh chiếm kinh thành Huế.
- D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng.

Câu 15. Vì sao thực dân Pháp tìm cách thương lượng với triều đình Huế thiết lập bản Hiệp ước 1874?

- A. Do Pháp bị thất bại trong việc đánh chiếm thành Hà Nội.
- B. Do Pháp bị đánh chấn ở Thanh Hóa.
- C. Do Pháp bị thất bại ở trận Cầu Giấy lần thứ nhất.**
- D. Do Pháp bị thất bại ở trận Cầu Giấy lần thứ hai.

Câu 16. Nhận xét nào sau đây đúng nhất nói về ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ?

A. Thể hiện lòng yêu nước, ý chí và khát vọng chiến đấu quên diệt của nhân dân ta.

B. Thể hiện lòng yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

C. Thể hiện lối đánh tài tình của nhân dân ta.

D. Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của nhân dân ta trong việc phá thế vòng vây của địch.

BÀI 21. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XIX

Câu 1. Phái chủ chiến, đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, tổ chức cuộc phản công quân Pháp và phát động phong trào Cần vương dựa trên cơ sở

A. có sự đồng tâm nhất trí trong Hoàng tộc.

B. có sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.

C. có sự ủng hộ của đông đảo nhân dân trong cả nước.

D. có sự ủng hộ của bộ phận quan lại chủ chiến trong triều đình và đông đảo nhân dân.

Câu 2. Người đứng đầu trong phái chủ chiến của triều đình Huế là ai?

A. Phan Thanh Giản.

B. Nguyễn Trường Tộ.

C. Tôn Thất Thuyết.

D. Phan Đình Phùng.

Câu 3. Trong giai đoạn từ năm 1858 đến năm 1888 phong trào Cần vương được đặt dưới sự chỉ huy của ai?

A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.

B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn.

D. Nguyễn Đức Nhuận và Đoàn Doãn Địch.

Câu 4. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

A. Khởi nghĩa Hương Khê.

B. Khởi nghĩa Ba Định.

C. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

D. Khởi nghĩa Yên Thế.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào **không** nằm trong phong trào Cần vương?

A. Khởi nghĩa Hương Khê.

B. Khởi nghĩa Ba Định.

C. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

D. Khởi nghĩa Yên Thế.

Câu 6. Ai là người đầu tiên chế tạo súng trường theo kiểu Pháp năm 1874?

A. Cao Thắng.

B. Trương Định.

C. Đề Thám.

D. Phan Đình Phùng.

Câu 7. Lãnh đạo khởi nghĩa Hương Khê là ai?

A. Hoàng Hoa Thám và Phan Đình Phùng.

B. Nguyễn Thiện Thuật và Đinh Công Tráng.

C. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.

D. Phan Đình Phùng và Đinh Công Tráng.

Câu 8. Cao Thắng được Phan Đình Phùng giao nhiệm vụ gì trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê?

A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự.

B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

C. Chiêu tập binh sĩ, huấn luyện, ~~Thủy quân lục chiến~~ Cảnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa.

Câu 9. Lực lượng nào tham gia đông đảo nhất trong khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

A. Công nhân. B. Nông dân.

C. Các dân tộc sống ở miền núi. D. Công nhân và nông dân.

Câu 10. Lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế là ai?

A. Phan Đình Phùng, Cao Thắng. B. Đề Nấm, Đề Thám.

C. Cao Thắng, Tôn Thất Thuyết. D. Đề Thám, Cao Thắng.

Câu 11. Vì sao phong trào Cần vương phát triển qua hai giai đoạn?

A. Do Tôn Thất Thuyết bị bắt. B. Do vua Hàm Nghi bị bắt.

C. Do Phan Đình Phùng hi sinh. D. Do Cao Thắng hi sinh.

Câu 12. Vì sao khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

A. Có lãnh đạo tài giỏi, đúc được súng trường theo kiểu của Pháp, gây cho Pháp những tổn thất nặng nề.

B. Có lãnh đạo tài giỏi, lực lượng tham gia đông đảo.

C. Có căn cứ rộng lớn, lực lượng tham gia đông đảo.

D. Gây cho Pháp những tổn thất nặng nề.

Câu 13. “Cần vương” có nghĩa là

A. giúp vua cứu nước.

B. Những điều bậc quân vương cần làm.

C. Đứng lên cứu nước.

D. Chống Pháp xâm lược.

Câu 14. Đâu **không phải** là nội dung của chiêu Cần vương?

A. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến.

D. Kêu gọi bãi binh, thương lượng với Pháp để bảo vệ vương quyền.

Câu 15. Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi hạ chiêu Cần vương khi đang ở đâu?

A. Kinh đô Huế. B. Căn cứ Ba Đình.

C. Căn cứ Tân sở(Quảng Trị). D. Đồn Mang Cá(Huế).

Câu 16. Nội dung nào **không** đúng khi nói về mục đích của khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

A. Hướng ứng chiêu Cần vương do Tôn Thất Thuyết mượn danh vua Hàm Nghi ban ra.

B. Chống lại chính sách cướp bóc của thực dân Pháp.

C. Tự đứng lên bảo vệ cuộc sống của quê hương mình.

D. Bất bình với chính sách đàn áp bóc lột của thực dân Pháp.

Câu 17. Thứ tự thời gian đúng của các cuộc khởi nghĩa.

A. Tấn công kinh thành Huế, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê.

B. Khởi nghĩa Bãi Sậy, Hương Khê, Yên Thế.

C. Khởi nghĩa Yên Thế, Hương Khê, Bãi Sậy.

Câu 18. Thực dân Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam khi nào?

- A. Sau khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ 2.
- B. Sau khi Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt được kí kết.**
- C. Sau khi đánh chiếm kinh thành Huế.
- D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng.

Câu 19. Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp gấp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?

- A. Một số quan lại yêu nước.
- B. Một số văn thân, sĩ phu yêu nước.
- C. Nhân dân yêu nước ở Trung Kì.
- D. Toàn thể dân tộc Việt Nam.**

Câu 20. Cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn và kéo dài nhất trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là

- A. khởi nghĩa Hương Khê.
- B. khởi nghĩa Ba Đình.
- C. khởi nghĩa Bãi Sậy.
- D. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế.**

Câu 21. Ý nào **không** đúng với nội dung của khởi nghĩa Hương Khê?

- A. Có lãnh đạo tài giỏi.
- B. Có nhiều trận đánh nổi tiếng.
- C. Có căn cứ địa vững chắc.
- D. Có vũ khí tối tân.**

Câu 22. Vì sao vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt?

- A. Do Trương Quang Ngoc phản bội.**
- B. Do Phan Đình Phùng hi sinh.
- C. Do Cao Thắng hi sinh.
- D. Do Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện.

Câu 23. Cuộc khởi nghĩa nào có thời gian tồn tại đúng bằng thời gian của phong trào Cần Vương?

- A. Yên Thế.
- B. Hương Khê.**
- C. Bãi Sậy.
- D. Ba Đình.

Câu 24. Sự khác biệt về thành phần lãnh đạo của khởi nghĩa Yên Thế với phong trào Cần Vương là

- A. các thủ lĩnh nông dân.**
- B. các quan lại triều đình yêu nước.
- C. các văn thân, sĩ phu yêu nước.
- D. Phái chủ chiến của triều đình.

Câu 25. So với phong trào Cần Vương thì khởi nghĩa nông dân Yên Thế

- A. có thời gian diễn ra ngắn hơn.
- B. có thời gian diễn ra dài hơn.**
- C. có thời gian diễn ra bằng nhau.
- D. thời gian kết thúc sớm hơn.

Câu 26. Mục đích của cuộc khởi nghĩa Yên Thế là

- A. nhằm bảo vệ cuộc sống cho dân vùng Yên Thế.**
- B. nhằm chống lại triều đình nhà Nguyễn.
- C. nhằm đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi đất nước.
- D. nhằm hướng ứng chiêu Cần Vương.

Câu 27. Nhận xét của em về tính chất của phong trào Cần Vương

- A. nhằm chống lại triều đình nhà Nguyễn.
- B. nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên của mình.**

Câu 28. Phong trào Càn vương cuối cùng bị thất bại vì lí do chủ yếu nào sau đây?

A. Thực dân Pháp còn mạnh, lực lượng chống Pháp quá yếu.

B. Phong trào bùng nổ trong lúc Pháp đã đặt ách thống trị Việt Nam

C. Thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối đúng đắn.

D. Phong trào diễn ra trên qui mô còn nhỏ lẻ.

Bài 21: PHONG TRÀO YÊU NUỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NĂM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI TK XIX (2 tiết)

Câu 1. Cuộc khởi nghĩa sau đây không nằm trong phong trào Càn Vương

A. khởi nghĩa Ba Đình.

B. khởi nghĩa Yên Thế.

C. khởi nghĩa Bãi Sậy.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 2. Vị vua đã hạ chiếu Càn Vương kêu gọi văn thanh, sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước là

A. Hàm Nghi.

B. Hiệp Hòa.

C. Duy Tân.

D. Đồng Khánh.

Câu 3. Ai là người đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc hồi đầu TK XX

A. Phan Bội Châu.

B. Phan Châu Trinh.

C. Hoàng Hoa Thám.

D. Nguyễn Ái Quốc.

Câu 4. Điểm khác nhau cơ bản giữa khởi nghĩa Yên Thế và phong trào Càn Vương là

A. thời gian bùng nổ.

B. lực lượng tham gia.

C. địa bàn đấu tranh.

D. mục tiêu đấu tranh.

Câu 5. Người đứng đầu phái chủ chiến trong triều đình Huế là ai?

A. Vua Hàm Nghi.

B. Tôn Thất Thuyết.

C. Tôn Thất Thiệp.

D. Trần Tiễn Thành.

Câu 6. Phái chủ chiến đã mở cuộc phản công quân Pháp tại những địa điểm nào?

A. Đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ.

B. Đồn Mang Cá, Đại Nội.

C. Tòa Khâm sứ, trên sông Hương.

D. Tòa Khâm sứ, Đại Nội.

Câu 7. Kết quả cuộc phản công quân Pháp tại Huế của phái chủ chiến là?

A. Đánh bật Pháp ra khỏi kinh thành Huế.

B. Buộc Pháp rút quân về nước.

C. Thất bại nhanh chóng.

D. Pháp thương thuyết với phái chủ chiến.

Câu 8. Tôn Thất Thuyết đã thay mặt vua Hàm Nghi ra chiếu Càn Vương lần nhất tại đâu?

A. Kinh thành Huế.

B. Tân Sở (Quảng Trị).

C. Quảng Bình

D. Vụ Quang (Hà Tĩnh).

Câu 9. Mục đích của việc ra chiếu Càn vương là gì?

A. Kêu gọi nhân dân giúp vua xây dựng đất nước.

B. Kêu gọi nhân dân giúp vua bảo vệ đất nước.

C. Kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước.

D. Kêu gọi nhân dân giúp vua khôi phục đất nước.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc giai đoạn **Có** nhất của phong trào Cần vương?

- A. Đặt dưới sự lãnh đạo của vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết.
- B. Diễn ra sôi nổi, liên tục trên phạm vi rộng lớn.
- C. Phong trào quy tụ thành các trung tâm khởi nghĩa lớn, phát triển theo chiều sâu.**
- D. Thu hút nhiều thành phần, tầng lớp tham gia.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc giai đoạn thứ hai của phong trào Cần Vương

- A. Phong trào phát triển theo chiều rộng.**
- B. Đặt dưới sự lãnh đạo của văn thanh, sĩ phu.
- C. Quy tụ thành các trung tâm lớn, hoạt động ở vùng trung du và miền núi.
- D. Thu hút nhiều giai cấp, tầng lớp tham gia.

Câu 12. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương là?

- A. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
- B. Khởi nghĩa Ba Đình.
- C. Khởi nghĩa Hương Khê.**
- D. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Câu 13. Phong trào Cần vương chấm dứt với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
- B. Khởi nghĩa Ba Đình.
- C. Khởi nghĩa Hương Khê.**
- D. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Câu 14. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê là ai?

- A. Nguyễn Thiện Thuật.
- B. Phan Đình Phùng.**
- C. Hoàng Hoa Thám.
- D. Đinh Công Tráng.

Câu 15. Lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là ai?

- A. Nguyễn Thiện Thuật.**
- B. Phan Đình Phùng.
- C. Hoàng Hoa Thám.
- D. Đinh Công Tráng.

Câu 16. Khởi nghĩa Yên Thế nổ ra với mục đích

- A. hướng ứng chiêu Cần vương.
- B. tự vệ, bảo vệ cuộc sống của mình.**
- B. chống Pháp mở rộng xâm lược.
- D. giải phóng dân tộc.

Câu 17. Lực lượng tham gia chủ yếu trong khởi nghĩa Yên Thế là

- A. nông dân.**
- B. văn thân, sĩ phu.
- C. binh lính.
- D. thợ thủ công.

Câu 18. Tính chất của phong trào Cần vương là

- A. giúp vua cứu nước.
- B. yêu nước, chống Pháp trên lập trường phong kiến.**
- C. giúp vua bảo vệ đất nước.
- D. chống Pháp và chống phong kiến đầu hàng.

Câu 19. Nguyên nhân lớn nhất dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần vương là

- A. do chưa tập hợp được lực lượng đông đảo.
- B. chưa phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa.
- C. khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.**
- D. Pháp quá mạnh nên dễ dàng đàn áp.

Câu 20. Phong trào Cần vương thất bại đã đặt ra yêu cầu cấp thiết gì đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta?

- A. Phải liên kết các phong trào đấu tranh thành một khối thống nhất.
- B. Huy động kháng chiến của toàn dân để giành độc lập.
- C. Phải có giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối đấu tranh phù hợp.**

D. Phải tăng cường sức mạnh quân sự để đánh bại Cộng đầu với Pháp.

Câu 21. Ý nào sau đây không phải là nội dung của chiêu Cần Vương ?

A. Tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp..

B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến đứng đầu là vua Hàm Nghi.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.

D. Khẳng định quyền độc lập tự chủ của dân tộc ta.

Câu 22. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888) phong trào Cần Vương

A. quy tụ lại thành những trung tâm lớn, có xu hướng đi vào chiêu sâu.

B. hoạt động cầm chừng ở trung du và miền núi.

C. tiếp tục hoạt động rộng khắp trong cả nước.

D. chấm dứt hoạt động vì thiếu sự lãnh đạo chung.

Câu 23. Căn cứ Bãi Sậy thuộc tỉnh

A. Hưng Yên.

C. Nam Định.

B. Thanh Hóa.

D. Sơn Tây.

Câu 24. Nghĩa quân chọn Bãi Sậy để xây dựng căn cứ vì

A. địa thế rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho cách đánh du kích.

B. vùng đầm, hồ, lau sậy um tùm, dễ che dấu lực lượng mai phục và đánh địch.

C. vùng đầm lầy, nghĩa quân có thể xây dựng căn cứ phòng thủ.

D. vùng trung du, dễ đánh và rút lui.

Bài 22. XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP.

I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT

Câu 1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tập trung vào

A. ngoại thương, quân sự và giao thông.

B. nông nghiệp, công nghiệp và quân sự.

C. phát triển kinh tế nông nghiệp và công thương nghiệp.

D. cướp đất lập đồn điền, khai mỏ, thu thuế và giao thông.

Câu 2. Tầng lớp tiểu tư sản **không** bao gồm thành phần nào dưới đây?

A. Nhà báo, nhà giáo.

B. Chủ các hãng buôn.

C. Học sinh, sinh viên.

D. Tiểu thương, tiểu chủ.

Câu 3. Dưới tác động của chương trình khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam hình thành các lực lượng mới nào?

A. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản.

B. Nông dân, công nhân, tiểu tư sản.

C. Công nhân, tư sản, tiểu tư sản.

D. Nông nhân, tư sản, tiểu tư sản.

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, thực dân Pháp **chưa** đầu tư xây dựng ngành giao thông

A. đường hàng không.

B. đường thủy.

C. đường sắt.

D. đường bộ.

Câu 5. Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành khai thác thuộc địa từ thời điểm nào?

A. Bắt đầu xâm lược Việt Nam. **Thuvienhoclieu.Com**

B. Hiệp ước Hác-măng được ký kết.

C. Khi quân nhà Nguyễn thất bại ở Nam Kỳ.

D. Khi Pháp cǎn bǎn hoàn thành xâm lược Việt Nam.

Câu 6. Để cai trị, thực dân Pháp thực hiện thủ đoạn chính trị thâm độc nào?

A. Chính sách chia để trị.

B. Câu kết chặt chẽ với địa chủ phong kiến.

C. Mua chuộc tầng lớp sĩ phu, quan lại.

D. Đàn áp dã man các cuộc đấu tranh.

II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU

Câu 1. Chỗ dựa quan trọng nhất của thực dân Pháp trong quá trình thống trị nước ta là giai cấp

A. nông dân.

B. công nhân.

C. tư sản.

D. **địa chủ phong kiến.**

Câu 2. Lực lượng đông đảo nhất trong phong trào chống Pháp ở xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là

A. nông dân.

B. công nhân.

C. tư sản.

D. tiểu tư sản.

Câu 3. Một bộ phận nhỏ của giai cấp địa chủ đã phân hóa theo hướng như thế nào?

A. Giàu lên, trở thành tay sai của thực dân Pháp.

B. Bị mất ruộng đất, trở thành nông dân làm thuê.

C. Nghèo đi, bị đế quốc chèn ép, áp bức.

D. Bị phá sản hoàn toàn, trở thành công nhân làm thuê cho chủ tư bản.

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, công nhân Việt Nam đấu tranh vì mục tiêu gì?

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.

B. Đòi chính quyền thực dân cho tham gia vào đời sống chính trị.

C. Đòi thực dân Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam

D. Đòi chính quyền thực dân thực hiện các quyền dân chủ rộng rãi.

Câu 5. Trong cuộc khai thác lần thứ nhất, thực dân Pháp chú trọng xây dựng hệ thống giao thông nhằm mục đích gì?

A. Khuếch trương hình ảnh hiện đại của nền văn minh Pháp.

B. Tạo điều kiện cho dân ta đi lại thuận lợi hơn.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế Việt Nam phát triển.

D. **Phục vụ cho công cuộc khai thác, bóc lột và quân sự.**

Câu 6. Nét nổi bật nhất trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp là

A. **chính sách cướp đoạt ruộng đất.**

B. xây dựng hệ thống giao thông phục vụ khai thác.

C. khai thác mỏ lấy nguyên liệu phục vụ công nghiệp Pháp.

D. mở mang một số cảng biển để chuyên chở hàng hóa.

Câu 7. Xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất mang tính chất

A. xã hội phong kiến

www.ThuvienhocBeuxChoi.com tư bản chủ nghĩa.

C. xã hội thuộc địa.

D. xã hội thuộc địa nửa phong kiến

Câu 8. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã tác động đến xã hội Việt Nam như thế nào?

A. Giai cấp nông dân tăng nhanh về số lượng.

B. Hình thành giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản.

C. Hình thành giai cấp công nhân và 2 tầng lớp tư sản, tiểu tư sản.

D. Giai cấp nông dân tăng nhanh về số lượng và giác ngộ cách mạng.

III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG

Câu 1. Nhận xét nào dưới đây đúng về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp?

A. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp quan tâm đầu tư phát triển kinh tế.

B. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp xây dựng nhiều trường học để đào tạo lao động.

C. Thực dân Pháp không chú trọng khai đầu tư phát triển công nghiệp nặng.

D. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp tăng cường đàn áp các cuộc đấu tranh.

Câu 2. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã tác động đến nền kinh tế nước ta như thế nào?

A. Làm kinh tế Việt Nam phát triển mất cân đối, lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

B. Làm kinh tế Việt Nam phát triển mạnh với nhiều ngành mới.

C. Kinh tế Việt Nam không có chuyển biến nào, ngày càng lạc hậu.

D. Kinh tế Việt Nam chuyển từ kinh tế phong kiến sang kinh tế tư bản chủ nghĩa.

IV. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO.

Câu 1. Khác với giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản có

A. cách mạng triệt để nhất.

B. thái độ cách mạng triệt để.

C. không kiên định, dễ thỏa hiệp.

D. Hợp tác chặt chẽ với thực dân Pháp.

Câu 2. Vì sao dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã tạo ra điều kiện mới bên trong cho cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng mới?

A. Vì làm cho kinh tế Việt Nam kiệt quệ.

B. Vì làm kinh tế Việt Nam phát triển hơn trước.

C. Vì đã tạo ra những chuyển biến mới về kinh tế - xã hội.

D. Vì đã du nhập phương thức sản xuất tiến bộ vào nước ta.

Câu 3. Vì sao thực dân Pháp **không** chú trọng đầu tư khai thác công nghiệp nặng?

A. Pháp không đủ điều kiện khoa học kỹ thuật.

B. Pháp đã đầu tư hết vốn vào các ngành khác.

C. đây là ngành có vốn đầu tư lớn và khó thu lại lợi nhuận.

D. nước ta thiếu những quặng kim loại để phục vụ phát triển công nghiệp nặng.

Câu 4. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, công nhân Việt Nam chỉ dừng lại ở đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế?

A. Vì số lượng còn ít do mới ra đời.

B. Vì đời sống vật chất còn thiếu thốn.

C. Vì chưa được giác ngộ lý luận cách mạng.

BÀI 23: PHONG TRÀO YÊU NUỐC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU TK XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1 tiết)

Câu 1. Tiêu biểu cho khuynh hướng cứu nước theo con đường dân chủ tư sản đầu TK XX là

- A. Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế.
B. Lương Văn Can, Nguyễn Quyền.
C. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh.
D. Thái Phiên, Trần Cao Vân.

Câu 2. Con đường cứu nước đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là

- A. cứu nước theo tư tưởng phong kiến.
B. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.
C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
D. cách mạng vô sản.

Câu 3. Ý nào sau đây không phải lý do khiêu Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật Bản để giành độc lập dân tộc?

- A. Nhật Bản là một nước ở châu Á, có điều kiện tự nhiên, xã hội, văn hóa gần giống với Việt Nam.
 - B. Nhật Bản đã từng đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược.
 - C. Sau cuộc Duy Tân Minh trị (1868), Nhật Bản trở thành một nước tư bản hùng mạnh.
 - D. Chính phủ Nhật Bản cam kết giúp đỡ phong trào độc lập dân tộc của Việt Nam.

Câu 4. Tổ chức hoặc phong trào nào sau đây **không** gắn liền với tên tuổi của Phan Bội Châu?

- A. Hội Duy Tân.
B. Phong trào Đông Du.
C. Phong trào Duy Tân.
D. Việt Nam Quang phục hội.

Câu 5. Tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu có điểm gì giống với tư tưởng cứu nước thời phong kiến?

- A. Cứu nước bằng phương pháp bạo động vũ trang.
B. Lãnh đạo phong trào thông qua những hình thức tổ chức phù hợp.
C. Giải phóng dân tộc tiến tới thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.
D. Lấy dân làm gốc, ‘dân là dân nước, nước là nước dân’.

Câu 6. Han ché căn bản trong tư tưởng cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là

- A. kịch liệt phản đối chủ trương bạo động, vốn là phương pháp truyền thống, rất có hiệu quả trong cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc trong lịch sử.
 - B. **chủ trương dựa vào Pháp để đem lại sự giàu mạnh, văn minh cho đất nước, coi đó là một trong những cơ sở giành độc lập.**
 - C. phản đối tư tưởng dân chủ lập hiến, dựa vào ngôi vua để thu phục nhân tâm, rất phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam cũng như khu vực lúc bấy giờ.
 - D. tư tưởng Duy tân chỉ tác động tới một bộ phận trí thức không thể thâm nhập vào quang đại quần chúng nhân dân lao động.

Câu 7. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX là

- A. chưa có sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân.
 - B. chính quyền thực dân phong kiến còn quá mạnh.
 - C. chưa có tổ chức lãnh đạo sáng suốt và phương pháp cách mạng đúng đắn.
 - D. chưa xác định đúng kẻ thù của dân tộc.

Câu 8. Mục đích của Duy Tân hội

- A. đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến giành độc lập dân tộc.
B. đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc việt Nam.
C. đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập một chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.
D. đánh đuổi thực dân Pháp khôi phục lại chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam.

Câu 9. Tháng 8/1908 phong trào Đông Dương tan rã vì

- A. phụ huynh đòi đưa con em về trước thời hạn.
B. đã hết thời gian đào tạo phải về nước.
C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa về nước.
D. nhà cầm quyền Pháp cấu kết với Nhật, trực xuất những người yêu nước Việt Nam (kể cả Phan Bội Châu).

Câu 10. Chủ trương cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là

- A. chống Pháp và phong kiến.
B. dùng bạo lực giành độc lập.
C. dựa vào Pháp chống phong kiến xây dựng nước Việt Nam cộng hòa.
D. cải cách nâng cao dân sinh, dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ phong kiến.

Câu 11. Hoạt động cứu nước của cụ Phan Châu Trinh thể hiện trên các lĩnh vực

- A. kinh tế - văn hóa- xã hội.** B. kinh tế - quân sự - ngoại giao.
C. kinh tế - xã hội – quân sự. D. văn hóa – xã hội – quân sự.

Câu 12. Phong trào chống thuế năm 1908 ở Trung Kì chịu ảnh hưởng của

- A. hoạt động dạy học ở Đông Kinh Nghĩa Thục. **B. phong trào Duy Tân.**
C. phong trào Đông Du. D. Duy Tân Hội.

Câu 13. Năm 1906, Phan Chu Trinh và nhóm sĩ phu tiến bộ ở Quảng Nam đã

- A. mở cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ.**
B. thành lập Duy Tân hội.
C. thành lập Việt Nam Quang phục hội.
D. tổ chức phong trào Đông du.

Câu 14. Một trong những hoạt động độc đáo của cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ (1906) là

- A. cỗ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.
B. cuộc vận động cải cách trang phục và lối sống.
C. thành lập nông hội, mở lò rèn, xưởng mộc...
D. mở trường học theo lối mới.

Câu 15. Vì sao Phan Bội Châu chuyển từ chủ trương « Quân chủ lập hiến » sang chủ trương « Cộng hòa dân quốc » ?

- A.Ảnh hưởng « chủ nghĩa Tam dân » của Tôn Trung Sơn.**
B.Ảnh hưởng từ cuộc Duy Tân Minh Triết.
C.Ảnh hưởng tư tưởng « Tự do – Bình đẳng – Bác ái » của cách mạng tư sản Pháp.
D.Ảnh hưởng phong trào Duy Tân do Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi lãnh đạo.

Câu 16. Chủ trương cứu nước của cụ Phan Bội Châu là

- A. chống Pháp và phong kiến.

C. dựa vào Pháp chống phong kiến xây dựng nước Việt Nam cộng hòa.

D. cải cách nâng cao dân sinh, dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ phong kiến.

BÀI 24. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Câu hỏi nhận biết.

Câu 1. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất thực dân Pháp cũng có hệ thống quan lại ở đâu?

- A. Nam Kỳ. B. Bắc Kỳ. C. Trung kỳ. D. Trên cả 3 kỳ.

Câu 2. Với chính sách cai trị theo kiểu thực dân cũ của Pháp thì mọi quyền hành ở Việt Nam tập trung trong tay

- A. **thống sứ** người Pháp.
B. vua quan nam Triều.
C. chính phủ Pháp.
D. thống sứ người Pháp và chính quyền Nam triều.

Câu 3. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã mở rộng thương thuyết với chính phủ nước nào để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam?

- A. Anh. B. Mĩ. C. **Trung Quốc**. D. Thái Lan.

Câu 4. Trong những năm diễn ra chiến tranh thế giới thứ nhất, toàn quyền Đông Dương tuyên bố điều gì trên lĩnh vực kinh tế Việt Nam?

- A. Việt Nam phải có nghĩa vụ nộp hết ruộng đất cho địa chủ người Pháp.
B. Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của cho “nước mẹ tham chiến”.
C. Việt Nam phải chi phí cho chiến trường nước Pháp trong lúc có chiến tranh.
D. Việt Nam được Pháp đầu tư phát triển kinh tế.

Câu 5. Tổ chức Việt Nam Quang phục hội mở hoạt động trở lại khi nào?

- A. Khi Phan Bội Châu bị bắt.
B. Khi Phan Bội Châu bị giam lỏng ở Huế
C. Khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.
D. Khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

Câu 6. Chính quyền thực dân đã chú trọng phục hồi các ngành công nghiệp nào ở Việt Nam?

- A. Công nặng. B. Công nhẹ.
C. Công nghiệp phục vụ chiến tranh. D. Công nghiệp khai khoáng.

Câu 7. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng?

Câu 8. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam như thế nào?

A. Bị Pháp chèn ép nên không phát triển được.

B. Có điều kiện để phát triển kinh tế và tăng nhanh về số lượng.

C. Bị phá sản vì không cạnh tranh nổi với tư sản mại bản.

D. Bị phong kiến kìm hãm nên không phát triển.

Câu 9. Các tầng lớp tiểu tư sản ở Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm những thành phần nào trong xã hội?

A. Tiểu chủ, tiểu thương, tiểu nông.

B. Học sinh, sinh viên, dân nghèo.

C. Tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên.

D. Trí thức, tiểu thương, tiểu công, tiểu nông, thợ thủ công.

Câu 10. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?

A. Đập phá máy móc, đốt công xưởng.

B. Bãi công đòi tăng lương giảm giờ làm.

C. Bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai thầu, đưa đơn yêu cầu, tham gia khởi nghĩa, bãi công.

D. Từ bãi công tiến tới tổng bãi công để đòi quyền lợi kinh tế.

Câu hỏi mức độ thông hiểu

Câu 1. Tại sao chính quyền thực dân Pháp cố gắng khôi phục, duy trì và mở rộng cơ sở công nghiệp ở Việt Nam?

A. Để thu được nhiều lợi nhuận phục vụ cho chiến tranh

B. Đề bù đắp cho công nghiệp chính quốc

C. Có cơ sở đầu tư ngày càng nhiều vào Việt Nam

D. Khai thác tối đa tài nguyên, thiên nhiên Việt Nam.

Câu 2. Giải thích vì sao các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải, của người Việt Nam được cung cấp, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới?

A. Do chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho hàng hóa từ pháp đưa sang Việt Nam giảm sút.

B. Do Việt Nam có điều kiện phát triển các nghề thủ công.

C. Do Pháp không vận chuyển hàng hóa từ chính quốc sang Việt Nam.

D. Do Việt Nam có thị trường rộng lớn.

Câu 3. Vì sao trong chiến tranh thế giới thứ nhất sức sản xuất của nông dân ở nông thôn Việt Nam bị giảm sút?

A. Do Pháp bóc lột nặng nề, nạn đói thường xuyên xảy ra.

B. Nông dân bị đói khổ, không còn sức sản xuất.

C. Nông dân bị tước đoạt **nông đất** **Thuvienhochieu.Com**

D. Pháp bắt nông dân đi lính đánh thuê cho Pháp.

Câu 4. Vừa mới ra đời giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu được điều gì?

A. Học thuyết của chủ nghĩa Mác-lênin.

B. Tư tưởng của cách mạng tháng Mười Nga.

C. Truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.

D. Tư tưởng của các trào lưu cứu nước ở các nước thuộc địa.

Câu 6. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất công nhân Việt Nam tiếp thu được tư tưởng nào để chuyển sang đấu tranh tự giác?

A. Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

B. Tư tưởng yêu nước của dân tộc ta.

C. Tư tưởng chủ nghĩa Mác- lénin.

D. Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Câu 7. Theo em, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ngoài thực dân Pháp còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân.

B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp địa chủ phong kiến.

D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 8. Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam sớm bước lên vũ đài đấu tranh chống thực dân Pháp?

A. Họ là lực lượng cách mạng đông đảo và hăng hái nhất ở Việt Nam

B. Bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột nặng nề nhất.

C. Vì họ đại diện cho giai cấp tiên tiến nhất Việt Nam

D. Tăng nhanh về số lượng.

Câu hỏi vân dung

Câu 1. Vì sao Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cách mạng mà các vị tiền bối đã chọn?

A. Con đường của họ không có nước nào áp dụng.

B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản.

C. Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy sự bế tắc của các con đường cứu nước đó.

D. Con đường cứu nước của họ chỉ đóng khung trong nước, không thoát khỏi sự bế tắc của chế độ phong kiến.

Câu 2. Điểm giống nhau của các phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1914-1918 là:

A. có tổ chức và đường lối lãnh đạo đúng đắn.

B. hình thức đấu tranh phong phú.

C. Diễn ra chủ yếu ở Bắc Kỳ.

D. Thất bại do bế tắc về đường lối đấu tranh.

Câu 3. Bài học lớn nhất cho phong trào cách mạng trong những năm 1914-1918 là:

- A. Có hình thức đấu tranh **phong Thúvienhoclieu.Com**
- B. Quy mô rộng lớn.
- C. Thu hút được nhiều tầng tham gia.
- D. Có đường lối đấu tranh đúng đắn.